

Số: /KH-UBND

Lào Cai, ngày tháng 12 năm 2025

KẾ HOẠCH
Triển khai Chiến lược dữ liệu tỉnh Lào Cai đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030; Quyết định số 1751/QĐ-TTg ngày 18/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/3/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân; Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Thực hiện Kế hoạch hành động số 01-KH/TU ngày 01/7/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kế hoạch triển khai chiến lược dữ liệu tỉnh Lào Cai đến năm 2030, với các nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM

Chiến lược dữ liệu tỉnh Lào Cai đến năm 2030 phải bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; tuân thủ các quy định pháp luật về dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân; phù hợp với định hướng, quan điểm, mục tiêu của Chiến lược dữ liệu quốc gia do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Dữ liệu là nguồn tài nguyên mới, đóng vai trò then chốt trong đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh. Dữ liệu góp phần đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, của cấp ủy, chính quyền các xã, phường trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Dữ liệu hỗ trợ việc đánh giá tình hình, dự báo xu hướng, đưa ra quyết định để nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, của cán bộ, công chức, viên chức.

Đẩy mạnh cung cấp thủ tục hành chính, dịch vụ công trên môi trường số, kết nối dữ liệu để giảm bớt các quy trình, thủ tục, rút ngắn thời gian, cung cấp thông tin chính xác, minh bạch cho người dân tạo dựng lòng tin của người dân với chính quyền địa phương.

Trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương dữ liệu là nguồn tài nguyên cốt lõi, giúp nâng cao hiệu quả quản lý và phát huy nguồn lực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo thông qua các ứng dụng công nghệ như trí tuệ nhân tạo và tạo ra nền kinh tế số thông qua việc cung cấp dịch vụ số và nền tảng kinh doanh cho người dân và doanh nghiệp.

Dữ liệu giúp doanh nghiệp hiểu khách hàng hơn, cung cấp dịch vụ hiệu quả, năng suất hơn, rút ngắn quy trình sản xuất kinh doanh, đổi mới tư duy từ kinh doanh truyền thống sang mô hình kỹ thuật số dựa trên công nghệ.

II. NGUYÊN TẮC

1. Dữ liệu là tài sản thuộc sở hữu chung của tỉnh Lào Cai, không thuộc sở hữu riêng của cơ quan, đơn vị nào. Dữ liệu được hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh trừ những dữ liệu thuộc diện quản lý, sử dụng theo quy định tài liệu mật.

2. Xây dựng, cập nhật, duy trì, sử dụng dữ liệu thuộc trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương; cơ quan, đơn vị tạo lập dữ liệu gốc phải xây dựng quy trình cập nhật để đảm bảo dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, đồng bộ, thống nhất. Dữ liệu phải được thu thập, cập nhật, kết nối, tích hợp và được chia sẻ với Trung tâm dữ liệu quốc gia và phải đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn theo quy định.

3. Dữ liệu phải được chia sẻ phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, quản lý xã hội, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền trong tỉnh và phải đảm bảo quyền con người, quyền công dân, quyền và lợi ích hợp pháp khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Ưu tiên tái sử dụng dữ liệu, đảm bảo nguyên tắc dữ liệu được thu thập một lần và sử dụng cho nhiều mục đích, hạn chế việc người dân, doanh nghiệp phải nhập lại thông tin mà cơ quan nhà nước đã có. Bảo đảm tính công khai, minh bạch, bình đẳng trong tiếp cận và sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.

5. Phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh dữ liệu theo quy định; thực hiện sao lưu dự phòng, khả năng duy trì kết nối, chia sẻ, phục hồi dữ liệu khi có sự cố.

III. MỤC TIÊU CHUNG

Xây dựng, làm giàu và phát triển dữ liệu tỉnh Lào Cai đảm bảo yêu cầu đúng, đủ, sạch, sống, đồng bộ và thống nhất với phương châm lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, đẩy mạnh hoạt động và phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tạo bước đột phá về hạ tầng công nghệ phục vụ quản lý, quản trị, phát triển kinh tế - xã hội bền vững, đẩy mạnh chuyển đổi số. Dữ liệu góp phần cơ cấu nền kinh tế, đưa thu nhập bình quân đầu người và tỉ trọng kinh tế số của tỉnh vượt mức bình quân các tỉnh trong khu vực, đưa Lào Cai trở thành cực tăng trưởng, phát triển nhanh và bền vững.

IV. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Phát triển hạ tầng dữ liệu

- Phát triển Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, có tính dự phòng, đáp ứng năng lực tính toán, lưu trữ, xử lý dữ liệu lớn, có khả năng kết nối với Trung tâm dữ liệu vùng, khu vực, quốc gia theo quy hoạch của Trung ương, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- 100% các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh được kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng.

2. Phát triển, khai thác sử dụng dữ liệu cho chính quyền số

- 100% các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị hoàn thành việc rà soát, phân loại dữ liệu và ban hành danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi theo quy định của Luật Dữ liệu 2024 và công bố các dữ liệu chia sẻ trên Cổng dữ liệu mở của tỉnh.

- Trên 90% cơ sở dữ liệu quan trọng, cốt lõi của tỉnh được tạo lập, kết nối, chia sẻ, tích hợp vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- 100% dữ liệu chia sẻ giữa các cơ quan nhà nước (trừ dữ liệu mật, cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù) được chia sẻ thông qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, lưu trữ trong kho dữ liệu số của tỉnh; tối thiểu 80% dữ liệu về kết quả thực hiện các thủ tục hành chính được tái sử dụng, chia sẻ theo quy định (ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù) đảm bảo người dân và doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thực hiện các thủ tục hành chính.

- Kết hợp khai thác sử dụng dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đối với 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện cung cấp trực tuyến, nâng cao hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước và cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp. Ứng dụng các công nghệ mới (AI, Big Data, Blockchain, IoT,.. trong phân tích, sử dụng dữ liệu giải quyết những khó khăn vướng mắc, các lĩnh vực trọng yếu của tỉnh như đầu tư, xây dựng, quy hoạch, đất đai, tài nguyên môi trường, nông nghiệp, biên mậu, du lịch, y tế, giáo dục, an sinh xã hội, khoa học công nghệ,...

- 100% các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh thiết lập được bộ phận hoặc cử cán bộ phụ trách về dữ liệu để triển khai các hoạt động quản trị dữ liệu.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng về dữ liệu.

3. Dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số

- 100% dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử và sử dụng thường xuyên các dịch vụ thiết yếu trên môi trường mạng.

- 50% các hệ thống IoT giám sát cộng đồng do tỉnh triển khai (an ninh, môi trường, giao thông) được kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống của cơ quan nhà nước để phục vụ quản lý và cung cấp tiện ích cho người dân.

4. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

100% các hệ thống thông tin của tỉnh được phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn và triển khai đầy đủ các phương án bảo vệ tương ứng và mô hình bảo vệ 4 lớp; đồng thời triển khai các hoạt động bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an ninh mạng.

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ xây dựng thể chế, cơ chế, chính sách

- Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, quy định, kỹ thuật về quản lý, khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu của tỉnh; hình thành khung pháp lý đồng bộ, thống nhất, phù hợp với quy định của Trung ương và đặc thù của địa phương.

- Xây dựng và ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu của tỉnh Lào Cai, quy định rõ phạm vi quản lý, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân; quy trình tạo lập, cập nhật, khai thác, chia sẻ và bảo mật dữ liệu; cơ chế giám sát, xử lý vi phạm và bảo đảm an ninh dữ liệu.

- Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu, từ đó phát triển và xây dựng quy trình cập nhật dữ liệu, xác định nguồn dữ liệu và trách nhiệm duy trì cung cấp dữ liệu gốc đảm bảo đúng, sạch, sống phục vụ bộ chỉ số.

- Ban hành danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở, dữ liệu lớn của tỉnh, xác định rõ các bộ dữ liệu chủ và dữ liệu nguồn thuộc thẩm quyền quản lý của từng cơ quan, đơn vị; ưu tiên các bộ dữ liệu phục vụ cung cấp dịch vụ công, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và an sinh.

- Ban hành danh mục dữ liệu trọng điểm, dữ liệu ưu tiên số hóa và chia sẻ, tập trung vào các lĩnh vực nền tảng như dân cư, doanh nghiệp, đất đai, quy hoạch, xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, giáo dục, y tế, nông nghiệp, môi trường, du lịch, lao động, tài chính, khoa học - công nghệ,...

- Xây dựng Khung kiến trúc quản trị dữ liệu tỉnh Lào Cai, bảo đảm tương thích với Kiến trúc Chính quyền số Việt Nam và Kiến trúc dữ liệu quốc gia, tạo nền tảng cho kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị.

- Thiết lập hệ thống đánh giá, chất lượng dữ liệu của tỉnh, bao gồm quy trình kiểm tra, chuẩn hóa, xác thực, bảo đảm các tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống, đồng bộ, thống nhất” trước khi tích hợp vào Kho dữ liệu dùng chung.

- Hoàn thiện cơ chế chia sẻ và khai thác dữ liệu, quy định rõ quyền truy cập, phân quyền người dùng, quy trình cấp phép và trách nhiệm trong việc sử dụng dữ liệu; áp dụng cơ chế “thu thập một lần, sử dụng nhiều lần”.

- Xây dựng chính sách khuyến khích và cơ chế kinh tế dữ liệu, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khai thác, tái sử dụng dữ liệu một cách hợp pháp; từng bước hình thành thị trường dữ liệu của tỉnh.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi thể chế dữ liệu, tổ chức rà soát định kỳ, kịp thời điều chỉnh, bổ sung các quy định để bảo đảm hiệu quả, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và sự phát triển của công nghệ dữ liệu.

2. Nhiệm vụ phát triển hạ tầng dữ liệu

- Rà soát, đồng bộ, nâng cấp Trung tâm dữ liệu của tỉnh kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia trên cơ sở hợp nhất Trung tâm tích hợp dữ liệu của 02 tỉnh Lào Cai cũ và Yên Bái cũ, đảm bảo khả năng lưu trữ, quản trị, vận hành dữ liệu và các hệ thống thông tin của tỉnh.

- Căn cứ nhu cầu thực tế về phát triển dữ liệu phục vụ nhiệm vụ xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số lựa chọn thuê dịch vụ bổ sung từ các trung tâm dữ liệu của các nhà cung cấp đáp ứng khả năng lưu trữ dữ liệu lớn, yêu cầu dự phòng để đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và ổn định.

3. Nhiệm vụ phát triển dữ liệu

- Tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu trọng yếu, làm giàu và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành Trung ương để kết nối, chia sẻ phục vụ việc cung cấp các dịch vụ công.

- Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong kho dữ liệu của tỉnh đảm bảo đầy đủ, theo thời gian thực, có chất lượng theo tiêu chí “*đúng, đủ, sạch, sống, đồng bộ, thống nhất*” phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và cấp ủy, chính quyền các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng Công dữ liệu mở cập nhật, cung cấp kịp thời các bộ dữ liệu mở cho các cơ quan, doanh nghiệp và người dân tra cứu, khai thác và sử dụng.

4. Nhiệm vụ kết nối và chia sẻ dữ liệu

- Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu của tỉnh Lào Cai với Trung tâm dữ liệu quốc gia, Trung tâm dữ liệu của các bộ ngành trung ương. Đồng thời, đồng bộ hệ thống dữ liệu dùng chung của tỉnh với hệ thống dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu mở và cơ sở dữ liệu của các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của tỉnh Lào Cai theo đúng quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP; bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu được thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của tỉnh (LGSP) kết nối với Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia (NDXP) để bảo đảm giám sát, truy vết và đánh giá hiệu quả.

- Rà soát, cập nhật và tích hợp các cơ sở dữ liệu của tỉnh, của các sở, ban, ngành, địa phương vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, bảo đảm thống nhất cấu trúc, định danh và khả năng liên thông kỹ thuật với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung.

- Chuẩn hóa dữ liệu và mã khóa định danh theo hướng dẫn của Bộ Công an và Trung tâm Dữ liệu quốc gia, bảo đảm mỗi bộ dữ liệu có một nguồn tin cậy duy nhất, tránh trùng lặp và bảo đảm khả năng tích hợp, liên thông, truy xuất giữa các cơ sở dữ liệu trong hệ thống chính trị.

- Ban hành và cập nhật danh mục dữ liệu bắt buộc kết nối, chia sẻ giữa các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh, phù hợp với Phụ lục II và Phụ lục III kèm theo Nghị định 278/2025/NĐ-CP; ưu tiên các nhóm dữ liệu phục vụ cung cấp dịch vụ công, chỉ đạo điều hành, an sinh xã hội, quy hoạch, xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, đất đai, dân cư, giáo dục, y tế và doanh nghiệp,....

5. Nhiệm vụ đảm bảo an ninh dữ liệu, an toàn thông tin

- Xây dựng hồ sơ và phê duyệt cấp độ an toàn thông tin đối với kho dữ liệu của tỉnh, hạ tầng công nghệ thông tin liên quan đến việc quản lý, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng dữ liệu.

- Triển khai các biện pháp bảo vệ dữ liệu trong quá trình thu thập, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu của tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các giải pháp kỹ số, xác thực, mã hóa và xác định các cơ chế sao lưu, lưu trữ đảm bảo dữ liệu được toàn vẹn, chống thất thoát dữ liệu.

6. Nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực dữ liệu của tỉnh Lào Cai, bảo đảm phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chuyên gia, kỹ sư dữ liệu có đủ năng lực chuyên môn, kỹ năng số, quản trị, khai thác dữ liệu, đáp ứng yêu cầu của chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho lãnh đạo, cán bộ quản lý nhà nước ở các cấp về thể chế, chính sách, quy trình và phương pháp quản trị dữ liệu; nâng cao năng lực điều hành dựa trên dữ liệu và ứng dụng dữ liệu trong ra quyết định, xây dựng chính sách.

- Đào tạo chuyên sâu cho lực lượng kỹ thuật và cán bộ chuyên trách dữ liệu về các nội dung: quản trị cơ sở dữ liệu, tiêu chuẩn dữ liệu, dữ liệu mở, dữ liệu lớn, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu.

- Hình thành đội ngũ “quản trị viên dữ liệu” tại các sở, ngành, địa phương, chịu trách nhiệm cập nhật, kiểm định, bảo đảm tính “đúng, đủ, sạch, sống, đồng bộ” của dữ liệu; gắn nhiệm vụ quản trị dữ liệu với trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng mạng lưới chuyên gia, cố vấn và giảng viên về dữ liệu gồm các nhà khoa học, giảng viên, chuyên gia công nghệ trong và ngoài tỉnh, phục vụ tư vấn, đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho cán bộ các cấp; hình thành “Cộng đồng nhân lực dữ liệu tỉnh Lào Cai”.

- Thiết lập cơ chế hợp tác với các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu và doanh nghiệp công nghệ số, triển khai các khóa học, chương trình huấn luyện ngắn hạn, thực hành thực tế về quản trị và khai thác dữ liệu, gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn.

- Phát triển các chương trình đào tạo kỹ năng dữ liệu cơ bản cho người dân và doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác dữ liệu mở, ứng dụng dữ liệu trong sản xuất - kinh doanh, thương mại điện tử và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Tổ chức các khóa đào tạo kết hợp thực hành trên hệ thống Kho dữ liệu dùng chung, Công dữ liệu mở và nền tảng quản lý dữ liệu của tỉnh, giúp học viên có kỹ năng thao tác trực tiếp và vận hành hệ thống thực tế.

- Xây dựng cơ chế “đào tạo gắn với dự án”, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học tập thông qua các dự án số hóa, quản lý và khai thác dữ liệu đang triển khai tại cơ quan, đơn vị.

7. Nhiệm vụ tuyên truyền và nâng cao nhận thức

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng về vai trò, ý nghĩa và giá trị của dữ liệu trong phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ và chuyển đổi số của tỉnh; xác định dữ liệu là tài nguyên mới, là động lực phát triển quan trọng của Lào Cai trong giai đoạn tới.

- Phổ biến các chủ trương, chính sách, quy định của Trung ương và của tỉnh liên quan đến quản lý, khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu; hướng dẫn thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống chính quyền.

- Tăng cường truyền thông về Kho dữ liệu dùng chung, Cổng dữ liệu mở, các nền tảng chia sẻ dữ liệu của tỉnh; giới thiệu các mô hình, sáng kiến, giải pháp hiệu quả trong thu thập, làm giàu và khai thác dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội.

- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, sử dụng đồng thời các kênh truyền thông và hiện đại như hội nghị, hội thảo, bản tin, phóng sự, chuyên mục, mạng xã hội, nền tảng số, hệ thống truyền thanh cơ sở, pano, áp phích, video clip, infographics, tờ rơi, sổ tay hướng dẫn... phù hợp từng nhóm đối tượng.

- Tổ chức các chương trình, phong trào, cuộc thi và giải thưởng về khai thác, sử dụng dữ liệu mở và sáng tạo dựa trên dữ liệu; gắn tuyên truyền với các chương trình hành động của tỉnh như “Bình dân học vụ số”, “Công dân số Lào Cai”, “Doanh nghiệp số Lào Cai”.

- Xây dựng các kênh truyền thông nội bộ về dữ liệu, như bản tin điện tử, diễn đàn chia sẻ tri thức, cổng thông tin nội bộ kết nối đội ngũ chuyên trách chuyển đổi số của các sở, ngành, địa phương; định kỳ chia sẻ kinh nghiệm và kết quả ứng dụng dữ liệu.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, tổ dân phố trong việc phổ cập nhận thức, hướng dẫn người dân tiếp cận, khai thác dữ liệu, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và tham gia vào hệ sinh thái dữ liệu của tỉnh.

8. Nhiệm vụ chuẩn bị cho phát triển thị trường dữ liệu

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển thị trường dữ liệu trên địa bàn tỉnh Lào Cai, bảo đảm hài hòa giữa quản lý nhà nước và thúc đẩy sáng tạo, khai thác, tái sử dụng dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng mô hình “thị trường dữ liệu địa phương” (Data Marketplace) từng bước hình thành hệ sinh thái giao dịch, trao đổi và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; khuyến khích phát triển dịch vụ dữ liệu, sản phẩm dữ liệu và nền tảng kinh doanh dựa trên dữ liệu.

- Ban hành cơ chế quản lý, định giá và bảo vệ quyền sở hữu dữ liệu, bao gồm các nguyên tắc xác định giá trị dữ liệu, cơ chế chia sẻ lợi ích, chế độ bản quyền và trách nhiệm của các bên tham gia trong khai thác, giao dịch dữ liệu; bảo đảm dữ liệu được coi là tài sản có giá trị kinh tế.

- Thiết lập hành lang pháp lý cho các mô hình kinh doanh mới dựa trên dữ liệu, như dữ liệu mở, dữ liệu tổng hợp, dữ liệu phi cá nhân, dữ liệu công cộng; hỗ trợ

thử nghiệm (sandbox) các mô hình chia sẻ dữ liệu giữa khu vực công và khu vực tư (PPP về dữ liệu).

- Xây dựng và công bố danh mục dữ liệu công được phép khai thác, thương mại hóa, khuyến khích các cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ dữ liệu theo nguyên tắc công khai, minh bạch, không làm lộ thông tin cá nhân hoặc dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước.

- Thúc đẩy doanh nghiệp công nghệ số và doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia phát triển thị trường dữ liệu; hỗ trợ các doanh nghiệp địa phương xây dựng năng lực phân tích, xử lý, cung cấp và khai thác dữ liệu trong sản xuất, kinh doanh, logistics, du lịch, nông nghiệp và thương mại điện tử.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật và nền tảng giao dịch dữ liệu, kết nối với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, Cổng dữ liệu mở quốc gia và các nền tảng dữ liệu vùng, bảo đảm khả năng chia sẻ, liên thông và bảo mật trong các hoạt động giao dịch dữ liệu.

- Khuyến khích hợp tác công – tư (PPP) trong lĩnh vực dữ liệu, bao gồm thu thập, số hóa, xử lý, phân tích, cung cấp và kinh doanh dữ liệu; ưu tiên các lĩnh vực có tiềm năng phát triển như du lịch, nông nghiệp, giao thông, môi trường, đô thị thông minh.

- Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm với các địa phương, bộ, ngành và tổ chức quốc tế trong phát triển thị trường dữ liệu; học tập mô hình quản trị dữ liệu tiên tiến, huy động nguồn lực xã hội hóa và vốn đầu tư tư nhân vào lĩnh vực dữ liệu.

- Theo dõi, đánh giá định kỳ tình hình phát triển thị trường dữ liệu của tỉnh, tổng hợp các vướng mắc, kiến nghị, đề xuất cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện chính sách, tạo môi trường pháp lý minh bạch, bền vững cho kinh tế dữ liệu phát triển.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện được bảo đảm từ các nguồn sau:

1. Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).
2. Huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06

Chỉ đạo toàn diện việc tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu đến năm 2030; định kỳ kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện; chỉ đạo việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật nội dung Chiến lược bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu phát triển của tỉnh. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp, chia sẻ dữ liệu và triển khai các nhiệm vụ, dự án liên quan đến phát triển, quản trị và khai thác dữ liệu.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy chế, quy định, kế hoạch và hướng dẫn kỹ thuật về quản lý, khai thác, chia sẻ, bảo vệ và phát triển dữ liệu của tỉnh. Tổ chức triển khai, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo, UBND tỉnh và các bộ, ngành Trung ương theo quy định. Chủ trì công tác tuyên truyền, đào tạo, nâng cao năng lực, phát triển nhân lực dữ liệu, đồng thời là đầu mối kỹ thuật trong quản trị, vận hành Kho dữ liệu dùng chung và các nền tảng dữ liệu của tỉnh.

3. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp trong việc bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu, bảo mật hệ thống thông tin và phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến dữ liệu. Tổ chức kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh theo quy định, bảo đảm sử dụng đúng mục đích, đúng phạm vi và tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

4. Các sở, ngành, UBND các xã, phường

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển dữ liệu của ngành, lĩnh vực, địa phương; bảo đảm dữ liệu được cập nhật, chia sẻ, kết nối với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; chịu trách nhiệm về chất lượng, tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của dữ liệu gốc do đơn vị quản lý, cập nhật. Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện Chiến lược dữ liệu trong phạm vi quản lý.

5. Các tổ chức chính trị, xã hội, các Hội nghề nghiệp

Phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò và giá trị của dữ liệu; tham gia chia sẻ, khai thác, phát triển dữ liệu và triển khai các mô hình hợp tác công - tư (PPP) về dữ liệu. Đề xuất, đóng góp sáng kiến, mô hình, giải pháp ứng dụng dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trên đây là kế hoạch triển khai chiến lược dữ liệu tỉnh Lào Cai đến năm 2030, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện. Kịp thời phản ánh các khó khăn vướng mắc về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh kịp thời./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Công an tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC (Khánh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Hạnh Phúc

PHỤ LỤC I: DANH MỤC CHI TIẾT CÁC NHIỆM VỤ

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
I	Xây dựng cơ chế, chính sách			
1.	Tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định, kế hoạch và hướng dẫn kỹ thuật về quản lý, khai thác, chia sẻ, bảo vệ và phát triển dữ liệu của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Hàng năm
2.	Xây dựng quy chế quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống thông tin kho dữ liệu, công dữ liệu mở tỉnh Lào Cai	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND cấp xã	2026
3.	Rà soát, phân loại dữ liệu và ban hành danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi theo quy định của Luật Dữ liệu 2024; cập nhật hằng năm	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	2025-2030
4.	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở, dữ liệu quan trọng, cốt lõi của tỉnh theo Luật Dữ liệu 2024; cập nhật hằng năm;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2025-2030
5.	Thiết lập bộ phận hoặc cử cán bộ phụ trách về dữ liệu để triển khai các hoạt động quản trị dữ liệu	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	2025-2030
6.	Thiết lập hệ thống đánh giá chất lượng dữ liệu của tỉnh, bao gồm quy trình kiểm tra, chuẩn hóa, xác thực, bảo đảm các tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống, đồng bộ, thống nhất” trước khi tích hợp vào Kho dữ liệu dùng chung	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2025-2030
7.	Xây dựng chính sách khuyến khích và cơ chế kinh tế dữ liệu, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khai thác, tái sử dụng dữ liệu một cách hợp pháp; từng bước hình thành thị trường dữ liệu của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2025-2030
8.	Kiểm tra, giám sát việc thực thi thể chế dữ liệu, tổ chức rà soát định kỳ, kịp thời điều chỉnh, bổ sung các quy định để bảo đảm hiệu quả, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và sự phát triển của công nghệ dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2025-2030
II	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức			
	Xây dựng các kênh tuyên truyền, tổ chức thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền và người dân về vai trò, tầm quan trọng của giá trị dữ liệu, phát triển, khai thác sử dụng, chia sẻ dữ liệu hiệu quả	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Thường xuyên

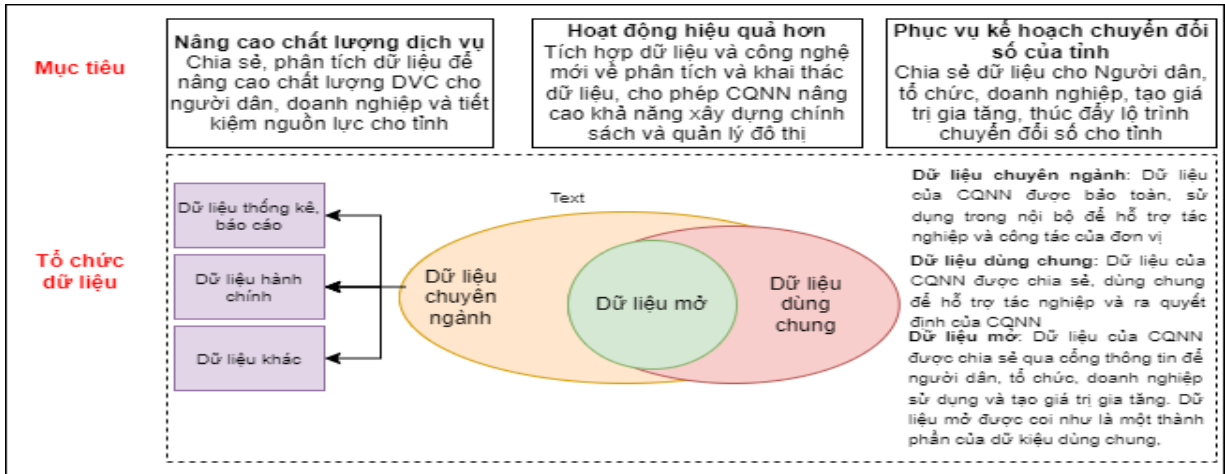
III	Phát triển hạ tầng dữ liệu			
1.	Rà soát, đồng bộ, nâng cấp Trung tâm dữ liệu của tỉnh kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia trên cơ sở hợp nhất Trung tâm tích hợp dữ liệu của 02 tỉnh Lào Cai cũ và Yên Bái cũ, kết hợp thuê dịch vụ trung tâm dữ liệu, đảm bảo khả năng lưu trữ, quản trị, vận hành dữ liệu và các hệ thống thông tin của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2025-2030
2.	Phát triển hạ tầng kết nối, kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2025-2030
3.	Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	2025-2030
IV	Phát triển dữ liệu của tỉnh			
1.	Xây dựng, triển khai hệ thống thông tin kho dữ liệu, cổng dữ liệu mở của tỉnh; đầu mối kỹ thuật trong quản trị, vận hành Kho dữ liệu dùng chung và các nền tảng dữ liệu của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2025-2030
2.	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong kho dữ liệu của tỉnh đảm bảo đầy đủ, theo thời gian thực, có chất lượng theo tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống, đồng bộ, thống nhất” phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và cấp ủy, chính quyền các xã, phường trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2025-2030
3.	Cập nhật, cung cấp kịp thời các bộ dữ liệu mở cho các cơ quan, doanh nghiệp và người dân tra cứu, khai thác và sử dụng.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	2025-2030
4.	- Phát triển hệ thống Cổng TTĐT, hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. - Tổ chức hướng dẫn số hoá, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu về kết quả thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định; thực hiện số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, lưu trữ trong kho dữ liệu số của tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2025-2030
5.	Triển khai, kết nối, chia sẻ dữ liệu các hệ thống IoT giám sát cộng đồng (an ninh, môi trường, giao thông) với các hệ thống của cơ quan nhà nước để phục vụ quản lý và cung cấp tiện ích cho người dân. Số hoá, triển khai các hệ thống thông tin chuyên ngành.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	2025-2030

6.	Số hoá, phát triển dịch vụ, ứng dụng các công nghệ mới (AI, Big Data, Blockchain, IoT,..) trong phân tích, sử dụng dữ liệu giải quyết những khó khăn vướng mắc, các lĩnh vực trọng yếu của tỉnh như đầu tư, xây dựng, quy hoạch, đất đai, tài nguyên môi trường, nông nghiệp, biên mậu, du lịch, y tế, giáo dục, an sinh xã hội, khoa học công nghệ,...	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	2025-2030
7.	Tích hợp dữ liệu và phát triển Hệ thống thông tin báo cáo, các hệ thống thông tin dùng chung chỉ đạo, điều hành của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2025-2026
V	Phát triển kết nối, chia sẻ dữ liệu			
1.	Xây dựng, phát triển các nền tảng số, nền tảng tổng hợp phân tích dữ liệu, nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu,...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2025-2030
2.	Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu của tỉnh Lào Cai với Trung tâm dữ liệu quốc gia, Trung tâm dữ liệu của các bộ ngành trung ương. Đồng thời, đồng bộ hệ thống dữ liệu dùng chung của tỉnh với hệ thống dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu mở và cơ sở dữ liệu của các xã, phường trên địa bàn tỉnh. Tổ chức triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của tỉnh Lào Cai theo đúng quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2025-2030
VI	Đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng cho dữ liệu			
1.	Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị trong việc bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu, phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến dữ liệu.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2025-2030
2.	Xây dựng hồ sơ cấp độ an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin đơn vị quản lý. Triển khai đầy đủ các phương án, công cụ bảo vệ, giám sát, nâng cao an toàn thông tin theo cấp độ và mô hình bảo vệ 4 lớp cho hệ thống thông tin do các cơ quan, đơn vị được giao quản lý.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Công an tỉnh	2025-2030
VII	Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực			
1.	Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về dữ liệu, cùng với kế hoạch chuyển đổi số hằng năm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành,	2025-2030

		Công nghệ	UBND cấp xã	
2.	Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho lãnh đạo, cán bộ quản lý nhà nước ở các cấp về thể chế, chính sách, quy trình và phương pháp quản trị dữ liệu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2025-2030
3.	Đào tạo chuyên sâu cho lực lượng kỹ thuật và cán bộ chuyên trách/phụ trách dữ liệu về các nội dung: quản trị cơ sở dữ liệu, tiêu chuẩn dữ liệu, dữ liệu mở, dữ liệu lớn, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, kết nối, chia sẻ dữ liệu, an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu, ... Đào tạo kỹ năng dữ liệu cơ bản cho người dân và doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2025-2030
4.	Tổ chức đào tạo kết hợp thực hành trên hệ thống Kho dữ liệu dùng chung, Cổng dữ liệu mở và nền tảng quản lý dữ liệu của tỉnh, giúp học viên có kỹ năng thao tác trực tiếp và vận hành hệ thống.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2025-2030
5.	Xây dựng mạng lưới chuyên gia, nhân lực dữ liệu tỉnh Lào Cai.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2025-2030
VIII	Phát triển thị trường dữ liệu			
	Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển thị trường dữ liệu trên địa bàn tỉnh Lào Cai, bảo đảm hài hòa giữa quản lý nhà nước và thúc đẩy sáng tạo, khai thác, tái sử dụng dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2025-2030

PHỤ LỤC II: DANH MỤC CSDL

A. MÔ HÌNH TỔ CHỨC DỮ LIỆU CỦA TỈNH



Hình 1: Tổ chức dữ liệu mức khung cảnh của tỉnh Lào Cai

1. Mô hình tổ chức dữ liệu 3 lớp bao gồm:

- Lớp dữ liệu Chuyên ngành: bao gồm các CSDL của các CQNN được quản lý, sử dụng trong nội bộ để hỗ trợ các tác nghiệp và công tác chuyên môn, thực hiện các dịch vụ công và thủ tục hành chính, tổng hợp thống kê báo cáo của đơn vị.

- Lớp dữ liệu Dùng chung: bao gồm các dữ liệu của các CQNN được chia sẻ, dùng chung để hỗ trợ tác nghiệp và ra quyết định của CQNN. CSDL dùng chung còn là lớp dữ liệu với mục tiêu liên thông, kết nối các thành phần dữ liệu từ các HTTT khác nhau thành hệ thống CSDL thống nhất, chia sẻ, đồng bộ trong các CQNN tại tỉnh Lào Cai.

- Lớp dữ liệu mở: là dữ liệu được các CQNN chia sẻ qua cổng thông tin để người dân, tổ chức sử dụng tạo giá trị gia tăng; tạo hệ sinh thái mở phục vụ mục tiêu chuyển đổi số của Lào Cai.

2. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

- Việc kết nối, khai thác dữ liệu giữa các đơn vị phải thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP) của tỉnh và theo Kiến trúc Chính quyền số của tỉnh.

- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện đánh giá và rà soát dữ liệu theo ngành của mình ở Trung ương, của cơ quan, cung cấp thông tin về hiện trạng dữ liệu cho Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp vào danh mục dữ liệu của tỉnh.

- Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh khi có nhu cầu đề xuất khai thác dữ liệu trong và ngoài tỉnh thì phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ để hướng dẫn, thực hiện theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm kết nối, sử dụng, chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu bộ, ngành theo quy định của pháp luật.

- Đầu mối dữ liệu cơ quan, đơn vị và đầu mối dữ liệu cấp tỉnh sẽ giám sát và phối hợp thực hiện các nội dung phát sinh.

- Các cơ quan, đơn vị cần phân loại dữ liệu thành 02 loại chính:

+ Công khai (Public): dữ liệu dùng để trao đổi, chia sẻ với bên ngoài.

+ Riêng tư (Private): các dữ liệu dùng chung nội bộ đơn vị, không chia sẻ ra với bên ngoài.

B. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ DỮ LIỆU CỦA TỈNH

Mô hình quản trị dữ liệu của tỉnh quy định các chính sách và tiêu chuẩn kỹ thuật, cơ cấu tổ chức, vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan để đảm bảo cho dữ liệu được tạo lập với chất lượng cao, luôn được cập nhật (đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung), được chia sẻ và sử dụng một cách có hiệu quả, phục vụ cho phát triển của tỉnh.

Mô hình quản trị dữ liệu bao gồm các bên tham gia với các vai trò như sau:

1. Chủ quản dữ liệu

Chủ quản dữ liệu là các bên tham gia với vai trò chịu trách nhiệm về nội dung và chất lượng dữ liệu, thực thi các quyền chia sẻ, cung cấp dữ liệu và dịch vụ dữ liệu cho người sử dụng dữ liệu là cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân trên địa bàn.

Chủ quản dữ liệu là UBND tỉnh. UBND tỉnh ủy quyền chủ quản dữ liệu cho các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ cho các nhóm dữ liệu. Chủ quản dữ liệu có thẩm quyền cấp quyền truy cập dữ liệu người sử dụng theo các cấp độ khác nhau cũng như yêu cầu các bên tham gia với vai trò là người tạo lập và cập nhật dữ liệu thực hiện các công việc liên quan đến dữ liệu. Chủ quản dữ liệu có vai trò cao cấp nhất trong hệ thống quản trị dữ liệu.

2. Tạo lập và cập nhật dữ liệu

Tạo lập và cập nhật dữ liệu là vai trò của bên tham gia chịu trách nhiệm tạo lập, cập nhật các nguồn dữ liệu chuyên đề để chia sẻ thông qua kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

Việc tạo lập, cập nhật dữ liệu cũng như cung cấp các dịch vụ kết nối dữ liệu được đảm nhiệm bởi các cơ quan có chức năng nhiệm vụ liên quan đến nguồn dữ liệu cho kho dữ liệu dùng chung. Như vậy, các sở, ban, ngành chuyên môn sẽ vừa đóng vai trò cao cấp là chủ quản dữ liệu đồng thời thực hiện vai trò của người tạo lập và cập nhật dữ liệu cho kho dữ liệu dùng chung.

3. Giám sát thực thi

Giám sát và điều phối chia sẻ dữ liệu là bên tham gia với vai trò quản lý kho dữ liệu dùng chung, giám sát quá trình tạo lập tiêu chuẩn dữ liệu, tạo lập và cập nhật dữ liệu, công bố thông tin về kho dữ liệu dùng chung, công bố và quản lý các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin cho Trung tâm dữ liệu dùng chung.

Theo chức năng, nhiệm vụ thì cơ quan đóng vai trò giám sát, thực thi việc chia sẻ dữ liệu là Sở Khoa học và Công nghệ. Liên quan đến vai trò giám sát thực thi chia sẻ dữ liệu thông qua kho dữ liệu dùng chung, Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm như sau:

- Chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin cho kho dữ liệu dùng chung.
- Xây dựng và quản lý công nghệ thông tin dữ liệu mở của tỉnh với các chức năng giới thiệu dịch vụ dữ liệu, hướng dẫn kết nối vào các CSDL chuyên ngành được chia sẻ trong kho dữ liệu dùng chung.
- Hỗ trợ các cơ quan chủ quản dữ liệu xây dựng tiêu chuẩn, nội dung dữ liệu cho các dữ liệu được chia sẻ qua kho dữ liệu dùng chung.
- Giám sát thực hiện quá trình chia sẻ dữ liệu, đảm bảo tính thông suốt và liên tục của dữ liệu được chia sẻ qua kho dữ liệu dùng chung.

4. Sử dụng dữ liệu

Sử dụng dữ liệu là các bên tham gia với vai trò là người sử dụng dữ liệu cho các mục đích quản lý nhà nước, hoặc tạo lập, xây dựng các ứng dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau từ các dịch vụ dữ liệu được cung cấp từ kho dữ liệu dùng chung, tra cứu thông tin được công bố

Tùy theo mục đích sử dụng dữ liệu, người sử dụng có thể là UBND tỉnh, các cơ quan nhà nước phân theo Sở, Ngành, chính quyền địa phương các cấp.

- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh: sử dụng dữ liệu được tổng hợp từ các nguồn dữ liệu trong kho dữ liệu dùng chung cho các mục đích xây dựng chính sách, chủ trương, kế hoạch cụ thể trong phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch tổng thể hoặc các quy hoạch chuyên ngành. Nguồn dữ liệu có tính cập nhật cao, thông tin chi tiết và đầy đủ, có độ chính xác cao cung cấp các thông tin chính xác trong quá trình ra quyết định.

- Các sở, ban, ngành sử dụng dữ liệu được liên thông, chia sẻ thông qua các dịch vụ dữ liệu, hoặc chia sẻ trực tiếp bằng cách tạo bản sao dữ liệu cho công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội trong các lĩnh vực của ngành mình. Các sở, ban, ngành dựa trên dữ liệu được chia sẻ để xây dựng các hệ thống thông tin chuyên ngành.

- Các tổ chức, doanh nghiệp có thể sử dụng dịch vụ dữ liệu để phát triển các sản phẩm công nghệ thông tin, tạo ra giá trị gia tăng từ dữ liệu trong phạm vi tỉnh.

- Người dân có quyền tiếp cận một số nguồn dữ liệu mở, hoặc được hưởng lợi gián tiếp nhờ sự liên thông thông tin, đơn giản hóa và tin học hóa các thủ tục hành chính.

C. CÁC DANH MỤC DỮ LIỆU

STT	CSDL dùng chung
1	CSDL người dân
2	CSDL về tổ chức

STT	CSDL dùng chung
3	CSDL cán bộ, công chức, viên chức
4	CSDL về thủ tục hành chính
5	CSDL Hồ sơ điện tử thực hiện thủ tục hành chính
6	CSDL danh mục dùng chung cho toàn hệ thống

1. CSDL người dân

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã công dân		x					
2	Số định danh cá nhân		x					
3	Họ, chữ đệm và tên khai sinh		x					
4	Ngày, tháng, năm sinh		x					
5	Số CMND		x					
6	Giới tính		x					
7	Nơi đăng ký khai sinh		x			X		
8	Quê quán		x			X		
9	Dân tộc		x			X		
10	Tôn giáo		x			X		
11	Quốc tịch		X			X		
12	Quốc tịch khác		X			X		
13	Tình trạng hôn nhân		X			X		
14	Nơi thường trú		X					
15	Nơi ở hiện tại		X					
16	Nhóm máu		X			X		
17	Họ, chữ đệm và tên cha		X					
18	Số CCCD cha		X				X	
19	Quốc tịch của cha công dân		X			x		
20	Họ, chữ đệm và tên mẹ		X					
21	Số CCCD mẹ		X				x	
22	Quốc tịch của mẹ công dân		X			x		
23	Họ, chữ đệm và tên vợ/chồng		X					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
24	Số CCCD của vợ/chồng công dân		X				x	
25	Quốc tịch của vợ/chồng công dân		X			x		
26	Số ĐDCN vợ/chồng		X					
27	Họ, chữ đệm và tên người đại diện hợp pháp (nếu có)		X					
28	Quốc tịch của người đại diện		X			x		
29	Số CCCD của người đại diện		X				x	
30	Số ĐDCN người đại diện		X					
31	Họ, chữ đệm và tên chủ hộ		X					
32	Số chứng minh nhân dân của chủ hộ		X					
33	Số ĐDCN chủ hộ		X					
34	Quan hệ với chủ hộ		X			x		
35	Số hộ khẩu		X					
36	Trạng thái của công dân		X			x		
37	Ngày tháng chết hoặc mất tích		X					
38	Mã BHXH		X					
39	Mã BHYT		X					

2. CSDL về Tổ chức

2.1. CSDL về các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp của tỉnh

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã đơn vị, định danh		x					
2	Tên cơ quan/đơn vị		x			x		x
3	Tên viết tắt		x					x
4	Loại hình		x					x
5	Địa chỉ trụ sở chính		x					x
6	Địa chỉ chi nhánh (nếu có)		x					x
7	Số điện thoại liên hệ		x					x
8	Số fax (nếu có)		x					
9	Email công vụ		x					x
10	Trang/cổng thông tin điện tử		x					x
11	Cấp quản lý		X					x
12	Cơ quan chủ quản		X			x		x
13	Lĩnh vực hoạt động chính		X			x		x
14	Mã đơn vị hành chính		X					
15	Số quyết định thành lập		X					
16	Ngày thành lập		X					
17	Tình trạng hoạt động		X			x		
18	Họ tên người đứng đầu		X					
19	Chức vụ người đứng đầu		X					
20	Số điện thoại liên hệ người đứng đầu		X					
21	Email liên hệ người đứng đầu		X					
22	Số biên chế được giao		X					
23	Số biên chế thực có		X					
24	Mã số thuế (nếu có)		X					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
25	Thông tin tài khoản Kho bạc/Ngân hàng		X					

2.2. CSDL về doanh nghiệp

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã		x					
2	Tên doanh nghiệp		x			x		x
3	Tên viết tắt (nếu có)		x					x
4	Mã số thuế		x					x
5	Loại hình		x					x
6	Lĩnh vực/ngành nghề chính		x			x		x
7	Vốn điều lệ		x					
8	Địa chỉ trụ sở chính		x					x
9	Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện		x					
10	Tỉnh/thành phố		x					
11	Xã/phường		X					
12	Số điện thoại liên hệ		X					
13	Email doanh nghiệp		X					x
14	Website (nếu có)		X					x
15	Họ tên người đại diện		X	x				x
16	Chức vụ		X					x
17	CCCD người đại diện		X	x			x	
18	Số điện thoại người đại diện		X					
19	Email người đại diện		X					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
20	Ngày đăng ký thành lập lần đầu		X					
21	Ngày thay đổi đăng ký gần nhất		X					
22	Tình trạng hoạt động		X					
23	Tổng số lao động		X					
24	Trong nước, FDI, liên doanh...		X					
25	Tỷ lệ vốn góp nước ngoài (%)		X					
26	Thông tin tài khoản ngân hàng		X					
27	Trường bổ sung khác (nếu có)		X					

2.3. CSDL hợp tác xã trên địa bàn tỉnh

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã		x					
2	Tên Hợp tác xã		x		x			x
3	Tên viết tắt (nếu có)		x					x
4	Loại hình		x					x
5	Lĩnh vực hoạt động chính		x			x		x
6	Số giấy chứng nhận đăng ký HTX		x					
7	Ngày cấp giấy đăng ký lần đầu		x					
8	Ngày thay đổi gần nhất		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
9	Địa chỉ trụ sở chính		x					x
10	Tỉnh/thành phố		x					
11	Xã/phường/thị trấn		X					
12	Số điện thoại		X					
13	Email HTX		X					
14	Website (nếu có)		X					
15	Họ tên Chủ tịch HĐQT/Chủ nhiệm		X	x				x
16	Chức vụ		X					x
17	Số CCCD người đại diện		X	x			x	
18	Điện thoại người đại diện		X					
19	Email người đại diện		X					
20	Tổng số thành viên HTX		X					
21	Số thành viên nam		X					
22	Số thành viên nữ		X					
23	Vốn điều lệ (tổng)		X					
24	Vốn góp thực tế		X					
25	Tỷ lệ vốn góp nước ngoài (nếu có)		X					
26	Trạng thái hoạt động		X					
27	Số lao động làm việc thường xuyên		X					
28	Sản phẩm/dịch vụ chính		X					x
29	Trường bổ sung khác (nếu cần)		x					

3. CSDL cán bộ, công chức, viên chức

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã cán bộ		X					
2	Số hiệu CBCCVC		X					
3	Mã hồ sơ		X					
4	Họ tên		X	x				x
5	Tên gọi khác		X	x				x
6	CCCD		X	x			x	
7	Ngày cấp		X					
8	Số định danh		X					
9	Email công vụ		X					
10	Email cá nhân		X					
11	Số điện thoại		X					
12	Số sổ BHXH		X					
13	Ngày sinh		X					
14	Nơi sinh		X			x		
15	Quê quán		X					
16	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú		X					
17	Nơi ở hiện nay		X					
18	Dân tộc		X			x		
19	Tôn giáo		X			x		
20	Giới tính		X			x		
21	Đơn vị đang công tác		X			x		x
22	Chức danh hiện tại		X			x		x
23	Trình độ chuyên môn		X			x		
24	Trình độ lý luận chính trị		X			x		
25	Trình độ quản lý nhà nước		x			x		
26	Học vị cao nhất		x			x		
27	Trình độ giáo dục phổ thông		x			x		
28	Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức		x			x		

4. CSDL về thủ tục hành chính

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	ID		x					
2	Mã thủ tục địa phương		x					x
3	Mã thủ tục hành chính quốc gia		x					x
4	Tên thủ tục		x					x
5	Cơ quan công bố		x			x		x
6	Cấp thực hiện		x			x		x
7	Loại TTHC		x			x		x
8	Mã lĩnh vực		x					x
9	Trình tự thực hiện		x					
10	Cách thức thực hiện		x					x
11	Thành phần hồ sơ		X					x
12	Chi phí		X					x
13	Loại đối tượng		X			x		x
14	Thời hạn giải quyết		X					x
15	Cơ quan thực hiện		X			x		x
16	Cơ quan có thẩm quyền		X			x		x
17	Cơ quan được ủy quyền		X			x		x
18	Địa chỉ tiếp nhận		X					x
19	Cơ quan phối hợp		X			x		
20	Kết quả thực hiện		X					
21	Căn cứ pháp lý		X					x
22	Yêu cầu		X					
23	TTHC liên quan		X					
24	Từ khóa		X					
25	Ngôn ngữ		X					
26	Quyết định công bố		X					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
27	Số quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh		X					
28	Mẫu đơn		X					
29	Tờ khai		X					
30	Số lượng hồ sơ		X					
31	Trạng thái		X					
32	Mô tả		X					
33	Thông dụng		X					
34	Tệp đính kèm		X					
35	Địa chỉ truy cập		X					
36	Mức độ thủ tục		X					
37	Mã đơn vị		x		x			

5. CSDL Hồ sơ điện tử thực hiện thủ tục hành chính

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã Thành Phần Hồ Sơ		x					
2	Tên giấy tờ		x					
3	Số		x					
4	Ngày cấp		x					
5	Nơi cấp		x					
6	Ngày hết hạn		x					
7	Mã công dân		x	x				
8	Số giấy tờ tùy thân		x	x				
9	Mã số doanh nghiệp		x		x			
10	Tên doanh nghiệp		x		x			
11	Hồ sơ ID		x					
12	Số biên nhận hồ sơ		x					
13	TTHCID		x					
14	Tên File		x					
15	Đường dẫn file		x					
16	Ngày cập nhật		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
17	Người cập nhật		x					
18	Cơ quan cập nhật		x					

6. CSDL danh mục dùng chung cho toàn hệ thống

STT	Danh mục
1	Danh mục Mã số nguồn ngân sách nhà nước (BTC)
2	Danh mục Mã số các cấp ngân sách (BTC)
3	Mã định danh điện tử bộ, ngành, địa phương (QĐ 20/2020/QĐ-TTg) - Cấp 1
4	Mã định danh điện tử bộ, ngành, địa phương (QĐ 20/2020/QĐ-TTg) - Cấp 2
5	Mã định danh điện tử bộ, ngành, địa phương (QĐ 20/2020/QĐ-TTg) - Cấp 3
6	Mã định danh điện tử bộ, ngành, địa phương (QĐ 20/2020/QĐ-TTg) - Cấp 4
7	Mã định danh điện tử bộ, ngành, địa phương (QĐ 20/2020/QĐ-TTg) - Cấp 5
8	Danh mục Mã số chương trình, mục tiêu Quốc gia (BTC)
9	Danh mục Dự án đầu tư (BTC)
10	Danh mục Mã nhiệm vụ chi Ngân sách Nhà nước (BTC)
11	Danh mục Mã số chương (BTC)
12	Danh mục Mã số ngành kinh tế (Loại, Khoản) (BTC)
13	Danh mục Đơn vị sử dụng Ngân sách (BTC)
14	Danh Mục Bảng Mã Ngân Hàng
15	Danh mục Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam cấp 1
16	Danh mục Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam cấp 2
17	Danh mục Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam cấp 3
18	Danh mục Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam cấp 4
19	Danh mục Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam cấp 5
20	Danh mục Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam cấp 6
21	Danh mục Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam cấp 7
22	Danh mục Mã số nội dung kinh tế (Mục, tiểu mục) (BTC)
23	Danh mục Thủ tục hành chính Việt Nam
24	Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam cấp 1 (Cấp tỉnh)
25	Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam cấp 2 (Cấp phường, xã)
26	Danh mục và mã định danh kết nối các hệ thống QLVBDH cấp 1
27	Danh mục và mã định danh kết nối các hệ thống QLVBDH cấp 2
28	Danh mục và mã định danh kết nối các hệ thống QLVBDH cấp 3
29	Danh mục và mã định danh kết nối các hệ thống QLVBDH cấp 4
30	Danh mục Mã bưu chính cấp 1 (Vùng, khu vực)
31	Danh mục Mã bưu chính cấp 2 (Tỉnh)
32	Danh mục Mã bưu chính cấp 3 (Phường, Xã)

STT	Danh mục
33	Danh mục và mã các dân tộc
34	Danh mục và mã các dân tộc và tên gọi khác
35	Danh mục và mã các tôn giáo
36	Danh mục và mã giới tính
37	Danh mục và mã nhóm máu
38	Danh mục và mã ý nghĩa nhóm máu
39	Danh mục và mã Quốc gia, quốc tịch
40	Danh mục và mã Tình trạng hôn nhân
41	Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam Cấp 1
42	Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam Cấp 2
43	Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam Cấp 3
44	Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học
45	Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ
46	Danh mục và mã chức danh trong các cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam
47	Danh mục và mã các hệ số lương
48	Danh mục bảng lương
49	Danh mục nhóm lương
50	Danh mục loại công chức, viên chức, nhân viên, lãnh đạo
51	Danh mục bậc lương
52	Danh mục và mã mức lương tối thiểu vùng
53	Danh mục mã thi đua khen thưởng
54	Danh mục Mã loại văn bản theo quy định pháp luật
55	Danh mục Mã tên các loại văn bản quy phạm pháp luật
56	Danh mục Mã tên các loại văn bản hành chính
57	Danh mục Mã quy định độ khẩn văn bản
58	Danh mục và mã hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi từ Trung ương tới địa phương
59	Trạng thái triển khai hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi từ Trung ương tới địa phương
60	Danh mục và mã mối quan hệ trong gia đình
61	Danh mục mã chức vụ trong các cơ quan nhà nước
62	Danh mục mã trạng thái hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính
63	Danh mục mã giấy tờ tùy thân
64	Danh mục mã loại hình tổ chức
65	Danh mục mã phụ cấp lương
66	Danh mục mã hình thức kỷ luật
67	Danh mục mã giấy tờ hộ tịch
68	Danh mục mã sổ hộ tịch
69	Danh mục mã SWIFT CODE các ngân hàng Việt Nam
70	Danh mục mã ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng
71	Danh mục mã văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân
72	Danh mục mã các chế độ bảo hiểm xã hội

STT	Danh mục
73	Danh mục mã loại hình doanh nghiệp
74	Danh mục mã ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện
75	Danh mục mã hệ thống ngành kinh tế Việt Nam cấp 1
76	Danh mục mã hệ thống ngành kinh tế Việt Nam cấp 2
77	Danh mục mã hệ thống ngành kinh tế Việt Nam cấp 3
78	Danh mục mã hệ thống ngành kinh tế Việt Nam cấp 4
79	Danh mục mã hệ thống ngành kinh tế Việt Nam cấp 5
80	Danh mục mã tiểu nhóm
81	Danh mục mã Kho bạc Nhà nước
82	Danh mục mã tổ chức ngân sách
83	Danh mục mã Ngân sách toàn địa bàn
84	Danh mục mã Quỹ
85	Danh mục mã Tiền tệ
86	Danh mục mã nghề nghiệp nội vụ
87	Danh mục mã ngạch nghề nghiệp nội vụ
88	Danh mục mã Chuyên ngành nghề nghiệp nội vụ
89	Danh mục mã nghề nghiệp ngành giáo dục đào tạo
90	Danh mục mã Nhóm nghề nghiệp ngành giáo dục đào tạo
91	Danh mục mã nghề nghiệp ngành khoa học công nghệ
92	Danh mục Nhóm chức danh nghề nghiệp ngành khoa học công nghệ
93	Danh mục mã nghề nghiệp ngành lao động, thương binh và xã hội
94	Danh mục chuyên ngành ngành lao động, thương binh và xã hội
95	Danh mục mã nghề nghiệp ngành Y tế
96	Danh mục Nhóm nghề nghiệp ngành Y tế
97	Danh mục mã nghề nghiệp ngành Thông tin và Truyền thông
98	Danh mục Nhóm chức danh ngành Thông tin và Truyền thông
99	Danh mục mã nghề nghiệp ngành Tài nguyên và Môi trường
100	Danh mục chuyên ngành ngành Tài nguyên và Môi trường
101	Danh mục mã nghề nghiệp ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch
102	Danh mục Chuyên ngành ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch
103	Danh mục mã nghề nghiệp ngành Tư pháp
104	Danh mục mã Nhóm nghề nghiệp ngành Tư pháp
105	Danh mục mã nghề nghiệp ngành Quốc phòng
106	Nhóm viên chức/đặc thù quốc phòng
107	Danh mục Nhóm nghề nghiệp ngành Quốc phòng
108	Danh mục mã nghề nghiệp ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
109	Danh mục Chuyên ngành ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
110	Danh mục mã nghề nghiệp ngành Xây dựng
111	Danh mục Nhóm nghề nghiệp ngành Xây dựng
112	Danh mục mã học hàm, học vị
113	Danh mục mã trình độ ngoại ngữ
114	Danh mục mã kỹ năng công nghệ thông tin

STT	Danh mục
115	Danh mục Module kỹ năng công nghệ thông tin
116	Danh mục Phân loại Nội dung/Yêu cầu cần đạt về kỹ năng CNTT
117	Danh mục Nhóm Nội dung/Yêu cầu cần đạt về kỹ năng CNTT
118	Danh mục mã trình độ lý luận chính trị
119	Danh mục mã các trường đại học, cao đẳng công lập
120	Danh mục vùng miền
121	Danh mục Trường THPT toàn quốc dùng cho thi THPT quốc gia
122	Danh mục mã vùng điện thoại cố định tại Việt Nam
123	Danh mục mã điện thoại quốc tế
124	Danh mục mã loại địa chỉ gắn với công dân
125	Danh mục mã phương tiện tham gia giao thông đường bộ
126	Danh mục mã phân loại đường bộ
127	Danh mục mã xếp loại để xác định cước vận tải đường bộ
128	Danh mục mã ngôn ngữ chính thức
129	Danh mục mã cấp bậc hàm sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam
130	Danh mục mã cấp bậc sĩ quan Công an nhân dân Việt Nam
131	Danh mục mã chức vụ sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam
132	Danh mục mã chức vụ sĩ quan Công an nhân dân Việt Nam
133	Danh mục mã chức vụ cơ bản trong các doanh nghiệp
134	Danh mục mã trình độ chuyên môn
135	Danh mục mã dịch vụ KT trong KB, CB và thanh toán BHYT
136	Danh mục mã thuốc tân dược
137	Danh mục mã thuốc y học cổ truyền
138	Danh mục nhóm mã thuốc y học cổ truyền
139	Danh mục mã bệnh y học cổ truyền
140	Danh mục mã chương bệnh y học cổ truyền
141	Danh mục mã vật tư y tế
142	Danh mục nhóm vật tư y tế cấp 1
143	Danh mục nhóm vật tư y tế cấp 2
144	Danh mục nhóm vật tư y tế cấp 3
145	Danh mục mã máu và chế phẩm máu
146	Danh mục và mã bệnh theo ICD 10 trong khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán BHYT
147	Danh mục mã chương theo IDC10 trong khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán BHYT
148	Danh mục mã nhóm theo IDC10 trong khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán BHYT
149	Danh mục và mã loại bệnh theo ICD 10 trong khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán BHYT
150	Danh mục mã cơ sở khám chữa bệnh
151	Danh mục mã loại khai sinh
152	Danh mục mã biển số xe của các tỉnh, thành phố
153	Danh mục mã biển báo cấm trong biển báo giao thông đường bộ
154	Danh mục mã biển báo nguy hiểm và cảnh báo trong biển báo giao thông đường bộ

STT	Danh mục
155	Danh mục mã biển hiệu lệnh trong biển báo giao thông đường bộ
	Có thể bổ sung thêm theo yêu cầu tạo lập dữ liệu

PHỤ LỤC III: DANH MỤC CSDL CHUYÊN NGÀNH

1. Nhóm CSDL ngành Khoa học và Công nghệ

STT	CSDL dùng chung
1	CSDL Bưu cục
2	CSDL Trạm BTS
3	CSDL Mạng truyền SLCD
4	CSDL Phòng họp trực tuyến
5	CSDL Hệ thống truyền dẫn
6	CSDL Phòng chống thiên tai Sở Khoa học và Công nghệ
7	CSDL Sở hữu trí tuệ
8	CSDL ISO
9	CSDL Tổ công nghệ số cộng đồng
10	CSDL Nhân lực CNTT
11	CSDL Chữ ký số
12	CSDL Nhiệm vụ khoa học
13	CSDL Sáng kiến
14	CSDL Thư điện tử
15	CSDL Chỉ số DTI

(1) CSDL Bưu cục

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã bưu cục		x					
2	Tên điểm dịch vụ bưu chính		x					x
3	Tên doanh nghiệp chủ quản				x			x
4	Địa chỉ điểm dịch vụ bưu chính		x			x		x
5	Mã định danh, họ tên, số điện thoại người quản lý điểm dịch vụ bưu chính		x	x			x	
6	Loại điểm dịch vụ		x					x
7	Tổng số lượng lao động điểm dịch vụ (chia ra Nam/nữ)		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
8	Ngày cập nhật thông tin							

(2) CSDL Trạm BTS

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã trạm		x					
2	Tên Trạm (nếu có)		x					x
3	Địa chỉ		x			x		x
4	Kinh độ, vĩ độ		x					x
5	Công nghệ 4G		x					x
6	Công nghệ 5G		x					x
7	Độ cao cột		x					x
8	Số giấy phép xây dựng (nếu có)		x					
9	Ngày cấp giấy phép xây dựng (nếu có)		x					
10	Số giấy kiểm định (nếu có)		x					
11	Ngày cấp giấy kiểm định (nếu có)		x					
12	Ngày hết hạn giấy kiểm định (nếu có)		x					
13	Hiện trạng sử dụng		x					x
14	Đơn vị quản lý		x		x			x
15	Thời gian lắp đặt		x					

(3) CSDL Mạng truyền SLCD

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã mạng SLCD		x					
2	Đơn vị sử dụng		x			x		
3	Đơn vị chủ quản		x			x		
4	Địa chỉ của đơn vị sử dụng		x					
5	Mã định danh cá nhân cán bộ phụ trách đơn vị		x	x			x	
6	Họ và tên cán bộ phụ trách đơn vị		x	x			x	
7	Số điện thoại cán bộ phụ trách đơn vị		x	x			x	
8	Chức vụ cán bộ phụ trách đơn vị		x	x			x	
9	Tốc độ mạng truyền số liệu chuyên dùng		x					
10	Tốc độ đường truyền mạng Internet		x					
11	Đơn vị cung cấp dịch vụ		x			x		
12	Số hợp đồng		x					
13	Ngày cập nhật		x					
14	Thông tin khác		x					

(4) CSDL Phòng họp trực tuyến

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã cuộc họp		x					
2	Tên cuộc họp		x					
3	Thời gian cuộc họp		x					
4	Tên phòng họp		x					
5	Tên đơn vị		x		x			
6	Đơn vị chủ trì cuộc họp (Trung ương, tỉnh)		x					

(5) CSDL Hệ thống truyền dẫn

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã số		x					
2	Tên trạm		x					x
3	Địa chỉ trạm		x					
4	Tọa độ GPS		x					
5	Loại trạm		x					x
6	Tên thiết bị		x					x
7	Loại thiết bị		x					x
8	Hãng SX		x					
9	Model		x					
10	Số serial		x					
11	Tên tuyến		x					x
12	Loại tuyến		x					x
13	Độ dài (km)		x					
14	Dung lượng (Gbps)		x					
15	CPU		x					
16	RAM		x					
17	Lưu lượng vào (Mbps)		x					
18	Lưu lượng ra (Mbps)		x					
19	Độ trễ (ms)		x					
20	Mất gói (%)		x					
21	Thời gian sự cố bắt đầu		x					
22	Thời gian sự cố kết thúc		x					
23	Nguyên nhân sự cố		x					
24	Trạng thái		x					x
25	Thời gian cập nhật		x					

(6) CSDL Phòng chống thiên tai tại Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã số		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
2	Tên trạm		x					x
3	Địa chỉ		x					
4	Loại cơ sở		x					x
5	Tọa độ GPS		x					
6	Loại thiên tai		x					x
7	Mức độ rủi ro		x					
8	Sự cố		x					
9	Thời gian bắt đầu		x					x
10	Thời gian kết thúc		x					x
11	Mức độ thiệt hại		x					x
12	Phương án ứng phó		x					x
13	Nguồn điện dự phòng		x					
14	Nhân lực điều động		x					
15	Trạng thái		x					
16	Thời gian cập nhật		x					

(7) CSDL Sở hữu trí tuệ

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã đối tượng		x					
2	Đối tượng		x					x
3	Tên, địa danh, dấu hiệu, sản phẩm được bảo hộ		x					x
4	Số văn bằng		x					
5	Ngày tháng năm cấp		x					
6	Phạm vi địa lý bảo hộ		x					
7	Chủ sở hữu		x	x		x	x	

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
8	Tên Tổ chức quản lý CDĐL		x			x		
9	Thực trạng ban hành Quy chế quản lý CDĐL theo NĐ số 65/2023/NĐ-CP		x					
10	Các hoạt động đã và đang triển khai nhằm hạn chế tác động từ sắp xếp tổ...		x					
11	Phân loại		x					x
12	Đối tượng		x					x

(8) CSDL ISO

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã ISO		x					x
2	Tên tiêu chuẩn		x					x
3	Lĩnh vực		x					x
4	Năm ban hành		x					x
5	Trạng thái		x					

(9) CSDL Tổ chuyển đổi số cộng đồng

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã tổ chuyển đổi số		x					
2	Tên tổ chuyển đổi số		x					x

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
3	Tỉnh/ thành phố		x			x		x
4	Phường/xã		x			x		x
5	Thôn/tổ		x			x		x
6	Tên tổ trưởng		x	x			x	x
7	Số quyết định		x					
8	Ngày tháng năm quyết định		x					x
9	Ngày kết thúc hoạt động		x					x

(10) CSDL Nhân lực CNTT

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Họ và tên		x				x	
2	Số định danh cá nhân		x	x			x	
3	Ngày tháng năm sinh		x	x			x	
4	Số điện thoại		x	x			x	
5	Trình độ Đào tạo		x	x		x	x	
6	Chuyên ngành đào tạo		x	x		x	x	
7	Vị trí việc làm/ Chức vụ, chức danh		x	x		x	x	
8	Đơn vị công tác		x	x		x	x	
9	Các lớp khóa đào tạo		x					

(11) CSDL Chữ ký số

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Căn cước công dân		x	x			x	
2	Tên Chứng thư số		x				x	
3	Địa chỉ mail công vụ		x				x	
4	Ngày sinh		x				x	
5	Số hiệu CTS		x					
6	Thiết bị		x					
7	Tổ chức (đơn vị)		x			x		
8	Trạng thái		x					
9	Ngày hiệu lực		x					
10	Ngày hết hạn		x					
11	Đơn vị cấp chữ kí số		x			x		

(12) CSDL Nhiệm vụ khoa học

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Nhóm đơn vị đăng ký		x					
2	Đơn vị đăng ký		x		x			x
3	Địa chỉ đơn vị quản lý		x		x			
4	Cấp thực hiện		x					
5	Họ và tên		x	x		x		x
6	Học hàm		x	x		x		
7	Căn cước công dân		x	x		x		
8	Địa chỉ đơn vị chủ nhiệm		x	x		x		
9	Số điện thoại		x	x		x		x
10	Loại hình		x					x
11	Lĩnh vực		x					x
12	Số ký hiệu đề tài (mã đề tài)		x					x
13	Tên nhiệm vụ		x					x

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
14	Nội dung		x					x
15	Mục tiêu		x					x
16	Sản phẩm dự kiến		x					x
17	Trạng thái nhiệm vụ		x					
18	Thời gian đổi trạng thái		x					
19	Nguồn KP Ngân sách dự kiến		x					
20	Nguồn KP Khác dự kiến		x					
21	Năm đăng ký		x					
22	Năm kết thúc		x					

(13) CSDL Sáng kiến

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã sáng kiến		x					
2	Tên sáng kiến		x					x
3	Phạm vi áp dụng		x					
4	Thời gian áp dụng		x					
5	Mô tả sáng kiến		x					x
6	Trạng thái sáng kiến		x					
7	Thời gian		x					
8	Tên tác giả		x	x			x	x
9	CCCD tác giả		x	x			x	
10	Ngày tháng năm sinh		x	x			x	
11	Trình độ		x	x			x	
12	Chức vụ		x	x		x	x	
13	Nơi làm việc		x	x		x	x	
14	Tên Phòng ban/đơn vị		x	x		x	x	

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
15	Điện thoại		x	x			x	
16	Địa chỉ		x	x			x	
17	Trình độ		x	x			x	
18	Chức vụ		x	x			x	
19	Nơi làm việc		x	x		x	x	
20	Điện thoại		x	x			x	
21	CCCD người tham gia sang kiến		x	x			x	

(14) CSDL Thư điện tử

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Họ và tên		x	x			x	
2	Số định danh cá nhân		x	x		x	x	
3	Địa chỉ thư điện tử		x					
4	Số thuê bao di động		x	x			x	
5	Đơn vị công tác		x	x		x	x	

(15) CSDL Chỉ số DTI

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tên đơn vị		x			x		x
2	Cấp		x					x
3	Chỉ số Nhận thức số		x					x
4	Chỉ số Thẻ chế số		x					x

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
5	Chỉ số Hạ tầng số		x					x
6	Chỉ số Nhân lực số		x					x
7	Chỉ số An toàn thông tin mạng		x					x
8	Chỉ số Hoạt động chuyển đổi số		x					x
9	Ngày cập nhật		x					x

2. Nhóm CSDL ngành Nội vụ

STT	CSDL dùng chung
1	CSDL Địa giới hành chính
2	CSDL Cải cách hành chính
3	CSDL Lưu trữ
4	CSDL Người có công
5	CSDL Người lao động, việc làm
6	CSDL Thi đua – Khen thưởng

(1) CSDL Địa giới hành chính

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã đơn vị		x					
2	Tên đơn vị		x		x			x
3	Tên đầy đủ		x		x			x
4	Cấp đơn vị		x			x		x
5	Ngày hiệu lực		x					x
6	Ngày hết hiệu lực		x					x
7	Tình trạng		x			x		x
8	Dân số		x					x
9	Diện tích (km ²)		x					x

(2) CSDL Cải cách hành chính

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã TTHC		x					
2	Tên TTHC		x					x
3	Lĩnh vực		x			x		x
4	Cấp giải quyết		x			x		x
5	Cơ quan chủ trì (ID)		x			x		x
6	Căn cứ pháp lý		x					x
7	Thành phần hồ sơ (tóm tắt)		x					x
8	Thời hạn giải quyết (quy định)		x					x
9	Phí, lệ phí		x					x
10	Mức độ dịch vụ		x					x
11	Kênh tiếp nhận		x					x
12	Trạng thái công bố		x			x		x
13	Ngày hiệu lực		x					x
14	Ngày hết hiệu lực		x					x

(3) CSDL Lưu trữ

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Ký hiệu vb		x					
2	Trích yếu		x					
3	Ngày ban hành		x					
4	Chọn cơ quan ban hành		x		x			
5	Chọn loại văn bản		x			x		
6	Lĩnh vực văn bản		x			x		

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
7	Phân loại bổ sung (Không xác định)		x					
8	Tờ số		x					
9	Người ký		x					
10	Bút tích		x					
11	Ghi chú		x					
12	Lưu lại		x					
13	Nhập lại		x					
14	Điền data		x					

(4) CSDL Người có công

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã đối tượng		x					
2	Họ tên		x	x				
3	Giới tính		x	x		x		
4	Ngày sinh		x	x				
5	Căn cước công dân		x	x				
6	Dân tộc		x	x		x		
7	Địa chỉ cư trú		x					
8	Số điện thoại		x					
9	Loại NCC		x			x		
10	Mức suy giảm		x					
11	Ngày xác nhận NCC		x					
12	Cơ quan xác nhận		x		x			
13	Trạng thái hưởng		x					
14	Ngày bắt đầu hưởng		x					
15	Ngày kết thúc hưởng		x					

(5) CSDL Người lao động, việc làm

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã NLD		x					
2	Họ tên		x	x				
3	Giới tính		x	x				
4	Ngày sinh		x	x				
5	Căn cước công dân		x	x				
6	Dân tộc		x	x		x		
7	Địa chỉ cư trú		x			x		
8	Số điện thoại		x					
9	Trình độ học vấn		x					
10	Trình độ CMKT		x					
11	Ngành nghề chuyên môn		x					
12	Tình trạng việc làm		x			x		
13	Loại hình việc làm		x					
14	Mức lương hiện tại		x					
15	Đơn vị hiện tại (ID)		x		x			
16	Chức danh công việc		x			x		
17	Ngày cập nhật		x					

(6) CSDL Thi đua - khen thưởng

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tên tập thể khen thưởng		x		x			
2	Mã tập thể khen thưởng		x		x			
3	Địa chỉ		x			x		
4	Số điện thoại		x					
5	Cụm, Khối thi đua tham gia		x		x			

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
6	Danh hiệu Thi đua		x			x		
7	Hình thức khen thưởng		x			x		
8	Tên cá nhân khen thưởng		x	x				
9	CCCD khen thưởng		x	x			x	
10	Giới tính		x	x				
11	Ngày sinh		x					
12	Chức vụ		x			x		
13	Số điện thoại		x					
14	Địa chỉ Email		x					
15	Tỉnh/Thành phố		x		x			
16	Xã/Phường		x		x			
17	Đơn vị		x		x			
18	Danh hiệu Thi đua		x			x		
19	Hình thức khen thưởng		x			x		

3. Nhóm CSDL ngành Tài chính

STT	CSDL dùng chung
1	CSDL Thu ngân sách
2	CSDL Chi ngân sách
3	CSDL Dự án đầu tư
4	CSDL Tài sản
5	CSDL Chỉ tiêu kinh tế - xã hội

(1) CSDL Thu ngân sách

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Năm ngân sách		x					
2	Kỳ báo cáo		x					
3	Đơn vị quản lý		x		x			
4	Địa bàn hành chính		x			x		

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
5	Mã chỉ tiêu thu		x			x		
6	Tên chỉ tiêu thu		x					
7	Phân loại theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục		x			x		
8	Cấp ngân sách hưởng		x					
9	Dự toán được giao (theo năm)		x					
10	Số đã thu kỳ báo cáo		x					
11	Số lũy kế đầu năm		x					
12	Tên cơ quan thu		x		x			
13	Mã số thuế		x					
14	Tên người nộp/ngành kinh tế		x	x			x	
15	Địa bàn phát sinh nguồn thu		x			x		

(2) CSDL Chi ngân sách

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Năm ngân sách		x					
2	Kỳ báo cáo		x					
3	Cấp ngân sách (tỉnh, xã)		x			x		
4	Địa bàn hành chính		x			x		
5	Cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách		x		x			
6	Loại, khoản (lĩnh vực chi		x			x		

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
7	Mục, tiểu mục		x			x		
8	Nhóm chi (thường xuyên, đầu tư,...)		x					
9	Dự toán được giao đầu năm		x					
10	Dự toán bổ sung/điều chỉnh trong năm		x					
11	Số chi trong kỳ báo cáo		x					
12	Số lũy kế chi từ đầu năm		x					
13	Tỷ lệ % thực hiện so với dự toán		x					
14	Số còn lại chưa giải ngân		x					
15	Mã số đơn vị có quan hệ ngân sách		x		x			
16	Lĩnh vực hoạt động (giáo dục, y tế,...)		x			x		
17	Tên cơ quan/đơn vị sử dụng ngân sách		x		x			
18	Ngày/tháng thanh toán		x					
19	Hình thức chi		x					
20	Cơ quan kiểm soát chi (kho bạc)		x			x		
21	Tình trạng chứng từ		x					
22	Ghi chú (giải trình vượt/giảm chi)		x					

(3) CSDL Dự án đầu tư

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tên dự án		x					x
2	Nhóm dự án (nhóm A, B, C,)		x					
3	Loại hình dự án		x					
4	Lĩnh vực đầu tư (y tế, giáo dục, ...)		x			x		
5	Cấp quản lý		x			x		
6	Tên cơ quan chủ quản		x		x			
7	Tên chủ đầu tư		x		x			x
8	Địa bàn thực hiện		x			x		
9	Số QĐ chủ trương đầu tư		x					
10	Số QĐ phê duyệt dự án		x					
11	Cấp ký quyết định		x					
12	Thời gian thực hiện		x					
13	Tiến độ thực hiện dự án		x					
14	Tổng mức đầu tư		x					x
15	Nội dung, quy mô đầu tư		x					x
16	Nguồn vốn		x					
17	Kế hoạch cấp vốn		x			x		
18	Số vốn đã giao trong năm		x					
19	Số vốn đã giải ngân		x					
20	Ngày khởi công dự kiến/thực tế		x					
21	Tình trạng triển khai dự án		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
22	Cơ quan giám sát/ đơn vị thẩm định vốn		x		x			
23	Kết quả thanh tra, kiểm tra		x					
24	Tình trạng quyết toán		x					

(4) CSDL Tài sản

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã số tài sản		x					
2	Loại tài sản		x					
3	Tên tài sản		x					
4	Mã hiệu/ ký hiệu tài sản		x					
5	Năm đưa vào sử dụng		x					
6	Tên cơ quan/ đơn vị quản lý tài sản		x					
7	Địa chỉ		x					
8	Hình thức quản lý (được giao, thuê,...)		x					
9	Nguồn hình thành (ngân sách, viện trợ,...)		x					
10	Quyết định giao, mua sắm, tiếp nhận		x					
11	Hồ sơ pháp lý kèm theo (giấy chứng nhận QSD đất, hợp đồng, ...)		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
12	Quy mô, diện tích (m2, ha, số lượng,...)		x					
13	Thông số kỹ thuật (đối với thiết bị, máy móc,...)		x					
14	Hiện trạng sử dụng		x					
15	Tình trạng kỹ thuật		x					
16	Nguyên giá tài sản (theo sổ kế toán)							
17	Giá trị thẩm định							
18	Giá trị còn lại							

(5) CSDL Chỉ tiêu Kinh tế - Xã hội

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Kỳ báo cáo (tháng, quý, năm)		x					
2	Địa bàn		x			x		
3	Ngành/lĩnh vực (theo phân loại: kinh tế, xã hội, dân số, giáo dục,...)		x			x		
4	Tên chỉ tiêu		x			x		
5	Giá trị kế hoạch/dự toán (đầu năm)		x					
6	Giá trị thực hiện kỳ báo cáo		x					
7	Lý kế từ đầu năm		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
8	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)		x					
9	Cơ cấu kinh tế (% nông – lâm – thủy sản, công nghiệp – xây dựng, dịch vụ)		x					
10	GRDP bình quân đầu người		x					
11	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội		x					
12	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn		x					
13	Tổng chi ngân sách địa phương		x					
14	Kim ngạch nhập khẩu		x					
15	Dân số trung bình		x					
16	Lao động làm việc (chia theo khu vực)		x					
17	Tỷ lệ thất nghiệp		x					
18	Thu nhập bình quân đầu người		x					
19	Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo		x					
20	Số giường bệnh/1 vạn dân số		x					
21	Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi		x					
22	Tỷ lệ che phủ rừng		x					
23	Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
24	Tỷ lệ xử lý nước thải đô thị		x					

4. Nhóm CSDL ngành Tư pháp

STT	CSDL dùng chung
1	CSDL VB QPPL tỉnh Lào Cai
2	CSDL Xử phạt vi phạm hành chính
3	CSDL Khai sinh
4	CSDL Khai tử
5	CSDL Nuôi con nuôi
6	CSDL Hôn nhân
7	CSDL Sổ Chứng thực bản sao từ bản chính
8	CSDL Sổ Chứng thực chữ ký/chứng thực điểm chỉ
9	CSDL Sổ Chứng thực chữ ký người dịch
10	CSDL Sổ Chứng thực hợp đồng, giao dịch
11	CSDL Sổ Công chứng giao dịch
12	CSDL Công chứng viên
13	CSDL Tổ chức hành nghề công chứng
14	CSDL Người thực hiện trợ giúp pháp lý
15	CSDL Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý

(1) CSDL VB QPPL tỉnh Lào Cai

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Số ký hiệu		x					
2	Loại văn bản		x			x		
3	Nội dung trích yếu		x					
4	Ngày ban hành		x					
5	Ngày có hiệu lực		x					
6	Ngày đăng công báo		x					
7	Nguồn thu thập		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
8	Ngày hết hiệu lực		x					
9	Tình trạng hiệu lực		x					
10	Ngày hết hiệu lực 1 phần		x					
11	Hiệu lực về không gian		x					
12	Loại văn bản		x			x		
13	Ngành - lĩnh vực		x			x		
14	Lĩnh vực		x			x		
15	Cơ quan ban hành		x			x		
16	Chức danh		x			x		
17	Người ký		x					
18	Phạm vi		x					
19	Văn bản căn cứ		x					
20	VB được quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành		x					
21	Văn bản dẫn chiếu		x					
22	VB bị tác động hiệu lực toàn bộ		x					
23	VB bị tác động hiệu lực 1 phần		x					
24	Văn bản chỉ được bổ sung		x					
25	Văn bản liên quan khác		x					
26	Nội dung văn bản		x					
27	Bản PDF		x					
28	Bản Word		x					

(2) CSDL Xử phạt vi phạm hành chính

STT	Nhóm trường thông tin	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Thông tin về Cơ quan, người ra quyết định	Cơ quan ra Quyết định		x		x	x		
2		Số		x					
3		Ngày, tháng, năm ra quyết định		x					
4		Chức vụ người ký		x			x		
5		Họ và tên người ký		x	x				
6		Họ và tên				x			
7	Thông tin về Cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính	Ngày, tháng, năm sinh			x				
8		Số định danh cá nhân/Hộ chiếu			x				
9		Giới tính				x	x		
10		Quốc tịch				x	x		
11		Nghề nghiệp				x	x		
12		Nơi ở hiện tại				x	x		
13	Thông tin về Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính	Tên tổ chức				x	x		
14		Địa chỉ trụ sở chính							
15		Mã số doanh nghiệp				x			
16		Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành							

STT	Nhóm trường thông tin	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
		lập/đăng ký hoạt động							
17		Ngày cấp							
18		Nơi cấp							
19		Người đại diện theo pháp luật			x				
20		Giới tính			x		x		
21		Chức danh					x		
22		Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính		x					
23		Quy định tại		x					
24		Các tình tiết tăng nặng (nếu có)		x					
25		Các tình tiết giảm nhẹ (nếu có)		x					
26		Hình thức xử phạt chính		x					
27		Cụ thể		x					
28		Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có)		x					
29		Cụ thể		x					
30		Biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có)		x					
31		Cụ thể		x					
32		Thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả		x					
33		Những nội dung trực tiếp liên quan đến việc thực		x					

STT	Nhóm trường thông tin	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
		hiện biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có)							
34		Phải hoàn trả số kinh phí (bằng số)		x					
35		Phải hoàn trả số kinh phí (bằng chữ)		x					
36		Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm		x					
37		Quyết định này được giao cho ông (bà)			x				
38		Tên Kho bạc nhà nước nhận khoản thu phạt				x			
39		Hoặc nộp tiền phạt vào ngân hàng thương mại nơi Kho bạc Nhà nước				x			
40		Hoặc nộp tiền phạt tại chỗ cho người đã ra quyết định xử phạt							
41		Tên các loại giấy tờ/tên, chủng loại của tang vật, phương tiện vi phạm hành		x					

STT	Nhóm trường thông tin	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
		chính bị tạm giữ							
42		Tên cá nhân/người đại diện của tổ chức bị xử phạt được giao Quyết định trực tiếp		x	x				
43		Thời gian giao quyết định (giờ, phút, ngày tháng năm)		x					
44		Tên cá nhân/người đại diện của tổ chức bị xử phạt được giao Quyết định qua hình thức khác (bưu điện)		x					
45		Thời gian giao quyết định (giờ, phút, ngày tháng năm)		x					

(3) CSDL Khai sinh

STT	Nhóm trường thông tin	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1		Số		x					

STT	Nhóm trường thông tin	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
2		Quyển số		x					
3		Trang số		x					
4	Thông tin người được khai sinh	Họ, chữ đệm, tên			x				
5		Ngày, tháng, năm sinh			x				
6		Giới tính			x		x		
7		Dân tộc			x		x		
8		Quốc tịch			x				
9		Nơi sinh			x				
10		Quê quán			x				
11		Số định danh cá nhân			x				
12		Họ, chữ đệm, tên người mẹ			x				
13		Năm sinh			x				
14		Dân tộc			x		x		
15		Quốc tịch			x		x		
16		Nơi cư trú (Thường trú)			x				
17		Số định danh cá nhân			x				
18		Họ, chữ đệm, tên người cha			x				
19		Năm sinh			x				
20		Dân tộc			x				
21		Quốc tịch			x				
22		Nơi cư trú (Thường trú)			x				
23		Số định danh cá nhân			x				
24	Thông tin người đi khai sinh	Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh			x				
25		Giấy tờ tùy thân			x				

STT	Nhóm trường thông tin	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
26	Thông tin cơ quan quản lý hồ sơ	Họ, chữ đệm người ký Giấy khai sinh/Trích lục ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh			x				
27		Chức vụ người ký Giấy khai sinh/Trích lục ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh					x		
28		Nơi đăng ký khai sinh				x			
29		Cơ quan quản lý dữ liệu trực tiếp				x			
30		Ngày, tháng, năm đăng ký							

(4) CSDL Khai tử

STT	Nhóm trường thông tin	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1		Số		x					
2		Quyển số		x					
3		Ngày, tháng, năm đăng ký		x					
4	Thông tin về	Họ, chữ đệm, tên			x				

STT	Nhóm trường thông tin	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
	người được khai tử								
5		Ngày, tháng, năm sinh			x				
6		Giới tính			x		x		
7		Dân tộc			x		x		
8		Quốc tịch			x		x		
9		Nơi cư trú(Thường trú)			x				
10		Giấy tờ tùy thân (CCCD/Hộ chiếu)			x				
11		Đã chết vào lúc		x					
12		Ngày, tháng, năm chết		x					
13		Nơi chết		x					
14		Nguyên nhân chết		x					
15		Giấy báo tử/Giấy tờ thay thế giấy báo tử số		x					
16	Thông tin về người đi đăng ký khai tử	Họ, chữ đệm, tên			x				
17		Giấy tờ tùy thân (CCCD/Hộ chiếu)			x				
18	Thông tin về cơ quan quản lý hồ sơ	Đơn vị đăng ký hồ sơ				x			

STT	Nhóm trường thông tin	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
19		Đơn vị quản lý dữ liệu trực tiếp				x			
20		Họ, chữ đệm, tên chức vụ người ký Trích lục khai tử		x					

(5) CSDL Nuôi con nuôi

STT	Nhóm trường thông tin	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Thông tin về người nhận con nuôi - Cha nuôi	Họ, chữ đệm, tên			x				
2		Ngày, tháng, năm sinh			x				
3		Dân tộc			x		x		
4		Quốc tịch			x		x		
5		Giấy tờ tùy thân (Hộ chiếu/Số định danh cá nhân)			x				
6		Nơi cư trú (Thường trú)			x				
7		Quan hệ (Lựa chọn: Chú, cậu, bác ruột; Cha			x				

STT	Nhóm trường thông tin	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
		dương; Khác)							
8		Họ, chữ đệm, tên			x				
9	Mẹ nuôi	Ngày, tháng, năm sinh			x				
10		Dân tộc			x		x		
11		Quốc tịch			x		x		
12		Giấy tờ tùy thân (Hộ chiếu/Số định danh cá nhân)			x				
13		Nơi cư trú (Thường trú)			x				
14		Quan hệ (Lựa chọn: Cô, cậu, bác ruột; Mẹ kế; Khác)					x		
15	Thông tin về con nuôi	Họ, chữ đệm, tên			x				
16		Ngày, tháng, năm sinh			x				
17		Giới tính			x		x		
18		Dân tộc			x		x		
19		Quốc tịch			x		x		
20		Nơi sinh			x				
21		Nơi cư trú (Thường trú)			x				
22		Số định danh cá nhân			x				
23		Lựa chọn: Con riêng; Cháu ruột; Trẻ em bị bỏ rơi; Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ; Trẻ em có					x		

STT	Nhóm trường thông tin	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
		hoàn cảnh đặc biệt khác; Trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng; Trẻ em sống tại gia đình; Trẻ em sống ở nơi khác; Trẻ em khuyết tật, mắc bệnh, hiểm nghèo							
24	Thông tin về người giao con nuôi - Ông	Họ, chữ đệm, tên			x				
25		Ngày, tháng, năm sinh			x				
26		Quốc tịch			x		x		
27		Giấy tờ tùy thân (Hộ chiếu/Số định danh cá nhân)			x				
28		Lựa chọn (Cha đẻ; Người giám hộ; Đại diện cơ sở nuôi dưỡng; Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với trẻ em bị bỏ rơi chưa đưa					x		

STT	Nhóm trường thông tin	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
		vào cơ sở nuôi dưỡng)							
29	Bà	Họ, chữ đệm, tên			x				
30		Ngày, tháng, năm sinh			x				
31		Quốc tịch			x		x		
32		Giấy tờ tùy thân (Hộ chiếu/Số định danh cá nhân)			x				
33		Lựa chọn (Mẹ đẻ; Người giám hộ; Đại diện cơ sở nuôi dưỡng; Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với trẻ em bị bỏ rơi chưa đưa vào cơ sở nuôi dưỡng)			x				
34	Căn cứ ghi vào sổ (lựa chọn)	Theo Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước số		x					
35		Theo Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài số		x					
36		Đơn vị cấp giấy tờ chứng minh việc nuôi con nuôi đã được		x					

STT	Nhóm trường thông tin	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
		giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền							

(6) CSDL Hôn nhân

STT	Nhóm trường thông tin	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1		Số		x					
2		Ngày, tháng, năm đăng ký		x					
3	Thông tin về người vợ	Họ, chữ đệm, tên người vợ			x				
4		Ngày, tháng, năm sinh			x				
5		Dân tộc			x		x		
6		Quốc tịch			x		x		
7		Nơi cư trú			x				
8		Số định danh cá nhân			x				
9		Số lần kết hôn		x					
10	Thông tin về người chồng	Họ, chữ đệm, tên người chồng			x				
11		Ngày, tháng, năm sinh			x				
12		Dân tộc			x		x		

STT	Nhóm trường thông tin	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
13		Quốc tịch			x		x		
14		Nơi cư trú			x				
15		Số định danh cá nhân			x				
16		Số lần kết hôn		x					
17	Thông tin về cơ quan quản lý hồ sơ	Ngày, tháng, năm xác lập quan hệ hôn nhân		x					
18		Họ, chữ đệm, tên của người ký Giấy chứng nhận kết hôn/ Trích lục ghi chú kết hôn			x				
		Chức vụ của người ký Giấy chứng nhận kết hôn/ Trích lục ghi chú kết hôn					x		
19		Đơn vị đăng ký kết hôn				x	x		
20		Cơ quan quản lý dữ liệu trực tiếp				x	x		
21	Ghi chú	Có yếu tố nước ngoài		x					
22		Loại (ly hôn, hủy)		x					

STT	Nhóm trường thông tin	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
		việc kết hôn)							
23		Số quyết định/bản án		x					
24		Ngày tháng năm của quyết định		x					

(7) CSDL Sổ Chứng thực bản sao từ bản chính

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Số		x					
2	Ngày, tháng, năm chứng thực		x					
3	Tên giấy tờ, văn bản chứng thực		x					
4	Họ tên của người yêu cầu chứng thực			x				
5	Số định danh cá nhân của người yêu cầu chứng thực			x				
6	Họ tên người ký chứng thực			x				
7	Chức danh người ký chứng thực					x		
8	Tổ chức chứng thực				x			
9	Số bản sao đã được chứng thực		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
10	Lệ phí/ Phí chứng thực		x					

(8) CSDL Sổ Chứng thực chữ ký/chứng thực điểm chỉ

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Số		x					
2	Ngày, tháng, năm chứng thực		x					
3	Họ tên người yêu cầu chứng thực			x				
4	Số định danh cá nhân người yêu cầu chứng thực			x				
5	Tên của giấy tờ, văn bản đã chứng thực chữ ký/điểm chỉ		x					
6	Họ tên người ký chứng thực			x				
7	Chức danh người ký chứng thực					x		
8	Tổ chức chứng thực				x			
9	Số lượng giấy tờ, văn bản đã được chứng thực chữ ký/điểm chỉ		x					
10	Lệ phí/ Phí chứng thực		x					

(9) CSDL Sổ Chứng thực chữ ký người dịch

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Số		x					
2	Ngày, tháng, năm chứng thực		x					
3	Họ tên người yêu cầu chứng thực			x				
4	Số định danh cá nhân người yêu cầu chứng thực			x				
5	Tên của giấy tờ, văn bản đã được dịch		x					
6	Dịch từ tiếng sang tiếng		x					
7	Họ tên người ký chứng thực			x				
8	Chức danh người ký chứng thực					x		
9	Tổ chức chứng thực				x			
10	Số lượng bản dịch đã được chứng thực chữ ký		x					
11	Lệ phí		x					

(10) CSDL Sổ Chứng thực hợp đồng, giao dịch

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Số		x					
2	Ngày, tháng, năm chứng thực		x					
3	Họ tên người yêu cầu chứng thực			x				

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
4	Số định danh cá nhân người yêu cầu chứng thực			x				
5	Tên hợp đồng, giao dịch được chứng thực		x					
6	Họ tên người ký chứng thực			x				
7	Chức danh người ký chứng thực					x		
8	Đơn vị chứng thực				x			
9	Lệ phí chứng thực		x					

(11) CSDL Sổ Công chứng giao dịch

STT	Nhóm trường thông tin	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1		Số công chứng		x					
2		Ngày, tháng, năm công chứng		x					
3	Thông tin về người yêu cầu công chứng	Họ và tên			x				
4		Số định danh cá nhân			x				
5	Thông tin về đơn vị yêu cầu công chứng	Tên				x			
6		Mã số doanh				x			

STT	Nhóm trường thông tin	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
		ngành hoặc số giấy tờ về tổ chức							
7		Loại giao dịch		x					
8		Họ tên công chứng viên ký văn bản công chứng		x					
9		Tên đơn vị công chứng				x			
10		Phí công chứng			x				
11		Giá dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng; chi phí khác			x				
12		Tài sản là đối tượng hoặc có liên quan đến giao dịch (nếu có)			x				

(12) CSDL Công chứng viên

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Họ và tên			X				X
2	Số điện thoại			X				X
3	Giới tính			X		X		X
4	Ngày tháng năm sinh			X				X
5	Số định danh cá nhân			X				X
6	Địa chỉ thường trú			X				X
7	Địa chỉ tạm trú			X				X
8	Số quyết định cấp Thẻ CCV/Số văn bản thông báo		X					X
9	Ngày quyết định/Ngày thông báo		X					X
10	Người ký		X	X				X
11	Ngày có hiệu lực		X					X
12	Số thẻ CCV		X					X
13	Tổ chức hành nghề công chứng		X		X			X
14	Trạng thái hành nghề (Đang hành nghề/thu hồi thẻ)		X					X
15	Thời điểm bị xóa đăng ký hành nghề thẻ công chứng viên		X					X
16	Thời điểm bị thu hồi thẻ công chứng viên		X					X

(13) CSDL Tổ chức hành nghề công chứng

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tên tổ chức		X		X			X
2	Số quyết định thành lập		X					X
3	Ngày thành lập		X	X				X

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
4	Mã số tổ chức		x		X			x
5	Người đứng đầu		x	x				x
6	Địa chỉ		x					x
7	Email		x					x
8	Số điện thoại		x					x
9	Website		x					x
10	Số lượng Công chứng viên		x					x
11	Danh sách cán bộ Công chứng viên		x					x

(14) CSDL Người thực hiện trợ giúp pháp lý

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Họ và tên			x				x
2	Số điện thoại			x				x
3	Giới tính			x		x		x
4	Ngày tháng năm sinh			x				x
5	Số định danh cá nhân			x				x
6	Địa chỉ thường trú			x				x
7	Địa chỉ tạm trú			x				x
8	Số quyết định cấp Thẻ trợ giúp pháp lý/Số văn bản thông báo		x					x
9	Ngày quyết định/Ngày thông báo		x					x
10	Người ký		x	x				x

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
11	Ngày có hiệu lực		x					x
12	Số thẻ Thẻ trợ giúp pháp lý		x					x
13	Tổ chức hành nghề công chứng		x		X			x
14	Trạng thái hành nghề (Đang hành nghề/thu hồi thẻ)		x					x
15	Thời điểm bị xóa đăng ký hành nghề thẻ Thẻ trợ giúp pháp lý		x					x
16	Thời điểm bị thu hồi Thẻ trợ giúp pháp lý		x					x

(15) CSDL Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tên trung tâm		x		X			x
2	Số quyết định thành lập		x					x
3	Ngày thành lập		x	x				x
4	Mã số trung tâm		x		X			x
5	Người đứng đầu		x	x				x
6	Địa chỉ		x					x
7	Email		x					x
8	Số điện thoại		x					x

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
9	Website		x					x
10	Số lượng trợ giúp viên pháp lý		x					x
11	Danh sách cán bộ trợ giúp pháp lý		x					x

5. Nhóm CSDL ngành Y tế

STT	CSDL dùng chung
1	CSDL cơ sở khám chữa bệnh
2	CSDL nhà thuốc
3	CSDL nhân lực y tế
4	CSDL trang, thiết bị y tế
5	CSDL hồ sơ sức khỏe
6	CSDL tiêm chủng
7	CSDL an toàn thực phẩm
8	CSDL bảo hiểm y tế

(1) CSDL Cơ sở khám chữa bệnh

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã cơ sở		x					
2	Tên cơ sở		x		x			x
3	Loại hình		x			x		x
4	Tuyên chuyên môn		x			x		x
5	Hình thức sở hữu		x			x		x
6	Địa chỉ		x					x
7	Điện thoại		x					x
8	Số giấy phép hoạt động, Ngày cấp, Cơ quan cấp		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
9	Tình trạng hoạt động		x					x
10	Danh sách Khoa		x		x			
11	Số Giường		x					
12	Có khám, chữa bệnh BHYT		x					x
13	Tên người đại diện		x	x			x	
14	CCCD người đại diện		x	x			x	
15	SĐT người đại diện		x					
16	Tọa độ (kinh độ/vĩ độ)		x					x

(2) CSDL Nhà thuốc

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã cơ sở		x					
2	Tên cơ sở		x		x			x
3	Loại hình cơ sở		x			x		x
4	Hình thức sở hữu		x			x		x
5	Loại hình kinh doanh		x			x		x
6	Địa chỉ		x			x		x
7	Điện thoại liên hệ		x					x
8	Tọa độ (Lat/Lng)		x					x
9	Số giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược		x					
10	Ngày cấp		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
11	Ngày hết hiệu lực		x					
12	Cơ quan cấp		x		x			
13	Tình trạng hoạt động		x			x		x
14	Họ và tên người phụ trách chuyên môn		x	x				
15	Chứng chỉ hành nghề		x					
16	Ngày cấp chứng chỉ		x					
17	Cơ quan cấp chứng chỉ		x					
18	Điện thoại liên hệ							
19	Danh mục kinh doanh		x					x
20	Diện tích kho/bán hàng (m ²)		x					
21	Điều kiện bảo quản		x					
22	Có hệ thống quản lý thuốc trực tuyến		x					

(3) CSDL Nhân lực y tế

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã nhân sự		x					
2	Họ và tên		x	x				
3	Giới tính							
4	Ngày sinh							
5	CCCD		x	x			x	
6	Chức danh nghề nghiệp		x					

7	Chức vụ hiện tại		x			x		
8	Chuyên khoa		x			x		
9	Trình độ chuyên môn		x			x		
10	Loại hình nhân lực		x					
11	Đơn vị công tác		x		x			
12	Mã cơ sở công tác		x		x			
13	Ngày tuyển dụng hoặc ngày bắt đầu làm việc		x					
14	Tình trạng công tác		x			x		
15	Số chứng chỉ hành nghề		x					
16	Ngày cấp chứng chỉ		x					
17	Ngày hết hiệu lực		x					
18	Cơ quan cấp							
19	Giấy phép hành nghề chuyên khoa (nếu có)		x					
20	Số điện thoại		x					
21	Địa chỉ thường trú		x			x		

(4) CSDL Trang, thiết bị y tế

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã thiết bị		x					
2	Tên thiết bị		x					x
3	Tên gọi thông dụng		x					x
4	Loại thiết bị		x					x
5	Nhóm/Phân loại rủi ro		x					
6	Model / Kiểu máy		x					
7	Số serial		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
8	Mã UDI/Barcode (nếu có)		x					
9	Tên nhà sản xuất		x					
10	Quốc gia sản xuất		x			x		
11	Năm sản xuất		x					
12	Đơn vị nhập khẩu / phân phối		x					
13	Số lưu hành / số giấy phép nhập khẩu		x					
14	Đơn vị/cơ sở sử dụng		x		x			x
15	Mã cơ sở sử dụng		x		x			x
16	Địa điểm đặt thiết bị		x					
17	Ngày đưa vào sử dụng		x					
18	Tình trạng hoạt động		x					
19	Giấy chứng nhận kiểm định an toàn (nếu bắt buộc)		x					
20	Ngày kiểm định gần nhất		x					
21	Ngày đến hạn kiểm định		x					
22	Nguồn vốn đầu tư							
23	Giá trị mua sắm (VNĐ)							
24	Ngày bàn giao		x					

(5) CSDL Hồ sơ sức khỏe

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã hồ sơ sức khỏe		x					
2	Mã định danh y tế quốc gia		x					
3	Họ và tên		x	x				
4	Ngày sinh		x	x				
5	Giới tính		x	x				
6	Số CCCD		x	x			x	
7	Số BHYT		x					
8	Địa chỉ thường trú		x					
9	Điện thoại liên hệ		x					
10	Ngày khám / điều trị		x					
11	Cơ sở y tế		x		x			
12	Chẩn đoán chính		x					
13	Kết quả điều trị		x					
14	Loại vắc xin		x			x		
15	Ngày tiêm		x					
16	Mũi số		x					
17	Cơ sở tiêm chủng		x		x			

(6) CSDL Tiêm chủng

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã hồ sơ tiêm chủng		x					
2	Mã định danh y tế quốc gia		x					
3	Họ và tên		x	x				
4	CCCD (mã định danh)		x	x			x	
5	Ngày sinh		x	x				
6	Giới tính		x	x				

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
7	Địa chỉ thường trú		x					
8	Điện thoại liên hệ		x					
9	Mã mũi tiêm		x					
10	Loại vắc xin		x			x		
11	Nhóm vắc xin		x					
12	Mũi số		x					
13	Ngày tiêm		x					
14	Liều lượng		x					
15	Đường tiêm		x			x		
16	Lô vắc xin / số seri		x					
17	Hạn dùng của vắc xin		x					
18	Nhà sản xuất vắc xin		x					
19	Nơi tiêm / cơ sở tiêm chủng		x		x			
20	Tên và mã cán bộ tiêm		x					
21	Nguồn vắc xin		x					
22	Kết quả sau tiêm		x					
23	Ngày hẹn mũi tiếp theo		x					
24	Loại vắc xin/mũi hẹn		x					
25	Trạng thái nhắc		x			x		

(7) CSDL An toàn thực phẩm

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã cơ sở		x					
2	Tên cơ sở		x		x			x

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
3	Loại hình cơ sở		x			x		x
4	Hình thức sở hữu		x			x		x
5	Địa chỉ		x					x
6	Điện thoại		x					x
7	Người đại diện		x	x				x
8	Cccd		x	x			x	
9	Tình trạng hoạt động		x			x		x
10	Mã hồ sơ/ giấy chứng nhận		x					
11	Số giấy chứng nhận		x					x
12	Phạm vi/ nghề kinh doanh		x					x
13	Ngày cấp		x					
14	Ngày hết hạn		x					x
15	Tình trạng giấy chứng nhận		x			x		
16	Mã sản phẩm		x					
17	Tên sản phẩm		x					x
18	Nhóm sản phẩm		x					x
19	Dạng đóng gói/ quy cách		x			x		x
20	Tình trạng lưu hành		x			x		

(8) CSDL Bảo hiểm y tế

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã hồ sơ/ID thẻ		x					
2	Số thẻ BHYT		x					x

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
3	Mã định danh y tế quốc gia/CCCD		x	x			x	
4	Họ và tên		x	x				x
5	Ngày sinh		x	x				
6	Giới tính		x	x				
7	Địa chỉ thường trú		x					
8	Điện thoại liên hệ		x					
9	Nhóm đối tượng tham gia		x			x		
10	Đơn vị đóng BHYT		x			x		
11	Mức đóng		x					
12	Tỷ lệ đóng		x					
13	Nguồn kinh phí		x					
14	Ngày bắt đầu hiệu lực		x					
15	Ngày hết hạn		x					
16	Mức hưởng BHYT		x					x
17	Nơi đăng ký KCB ban đầu		x		x			x
18	Trạng thái thẻ		x			x		x

6. Nhóm CSDL ngành Giáo dục và Đào tạo

STT	CSDL dùng chung
1	CSDL Trường học
2	CSDL Lớp học
3	CSDL Học sinh
4	CSDL Cơ sở vật chất, trang thiết bị ngành giáo dục đào tạo
5	CSDL Văn bằng, chứng chỉ

(1) CSDL Trường học

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã cơ sở		x		x			
2	Tên cơ sở giáo dục		x		x	x		x
3	Tên viết tắt		x		x			
4	Loại hình		x			x		x
5	Cấp học/loại hình đào tạo		x		x	x		x
6	Địa chỉ		x					x
7	Điện thoại, Email, Website		x					
8	Năm thành lập		x		x			
9	Quyết định thành lập		x		x			
10	Người đứng đầu		x	x	x		x	
11	Số điểm trường/cơ sở trực thuộc		x					
12	Diện tích khuôn viên (m ²)		x					
13	Loại hình tổ chức học tập		x					x
14	Trường đạt chuẩn quốc gia		x					
15	Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt		x					
16	Cơ quan chủ quản		x		x			
17	Ghi chú		x					

(2) CSDL Lớp học

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã lớp		x					
2	Tên lớp		x			x		x
3	Khối lớp		x			x		x
4	Năm học		x			x		x

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
5	Sĩ số học sinh		x					x
6	Giáo viên chủ nhiệm		x	x			x	
7	Loại lớp		x					
8	Hình thức tổ chức		x					
9	Ghi chú		x					

(3) CSDL Học sinh

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã học sinh		x					
2	Họ và tên			x		x	x	x
3	Ngày, tháng, năm sinh			x		x	x	x
4	Giới tính			x		x	x	x
5	Dân tộc			x		x	x	x
6	Quốc tịch			x		x	x	x
7	Nơi sinh			x		x		x
8	Số định danh cá nhân/CCCD			x		x	x	x
9	Ảnh học sinh		x					
10	Địa chỉ thường trú			x		x	x	x
11	Địa chỉ tạm trú			x				
12	Họ tên cha			x				
13	Họ tên mẹ			x				
14	Người giám hộ (nếu có)			x				
15	Số điện thoại học sinh		x					
16	Email học sinh		x					
17	Trường đang học		x			x		
18	Lớp học hiện tại		x			x		
19	Khối lớp		x			x		
20	Năm học		x					
21	Ngày nhập học		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
22	Ngày ra trường/chuyên trường		x					
23	Trường chuyển đến/chuyên đi		x					
24	Mã hồ sơ học sinh điện tử		x					
25	Hình thức học tập		x					
26	Lớp học 2 buổi/ngày		x					
27	Kết quả học tập		x					
28	Kết quả rèn luyện		x					
29	Thành tích nổi bật		x					
30	Tình trạng sức khỏe		x					
31	Chiều cao, cân nặng		x					
32	Nhóm máu			x				
33	Khuyết tật (nếu có)		x					
34	Tiền sử bệnh		x					
35	Số thẻ BHYT, nơi KCB			x				
36	Đối tượng chính sách		x					
37	Chế độ hỗ trợ		x					
38	Tình trạng học sinh		x					
39	Phân luồng sau THCS/THPT		x					
40	Ghi chú		x					

(4) CSDL Cơ sở vật chất, trang thiết bị ngành giáo dục đào tạo

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã hạng mục		x					
2	Tên hạng mục		x			x		

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
3	Loại công trình		x			x		
4	Năm xây dựng		x					
5	Năm sửa chữa/nâng cấp		x					
6	Diện tích sử dụng (m ²)		x					
7	Sức chứa		x					
8	Kết cấu công trình		x					
9	Hiện trạng		x					
10	Tình trạng pháp lý		x					
11	Vị trí		x					
12	Mục đích sử dụng		x					
13	Đơn vị quản lý		x		x	x		
14	Hệ thống điện, nước		x					
15	Hệ thống PCCC		x					
16	Thiết bị kèm theo		x					
17	Giá trị tài sản							
18	Nguồn vốn xây dựng							
19	Mã thiết bị		x					
20	Tên thiết bị		x			x		
21	Loại thiết bị		x			x		
22	Hãng sản xuất / xuất xứ		x					
23	Năm sản xuất		x					
24	Năm đưa vào sử dụng		x					
25	Đơn vị tính		x					
26	Số lượng		x					
27	Giá trị tài sản		x					
28	Nguồn vốn		x					
29	Đơn vị quản lý		x		x	x		
30	Nơi bố trí/sử dụng		x					
31	Tình trạng hiện tại		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
32	Hệ thống bảo hành		x					
33	Mã số kiểm kê tài sản		x					
34	Ghi chú							

(5) CSDL Văn bằng, chứng chỉ

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã văn bằng/chứng chỉ		x					
2	Loại văn bằng/chứng chỉ		x			x		
3	Họ và tên người được cấp			x		x	x	
4	Ngày, tháng, năm sinh			x			x	
5	Giới tính			x			x	
6	Dân tộc			x			x	
7	Số hiệu văn bằng/chứng chỉ		x			x		
8	Ngày cấp		x					
9	Nơi cấp		x					
10	Hình thức đào tạo		x					
11	Ngành/Chuyên ngành đào tạo		x					
12	Xếp loại tốt nghiệp		x					
13	Trạng thái		x					
14	Số quyết định cấp văn bằng		x					
15	Hình thức bản cấp		x					
16	Ghi chú		x					

7. Nhóm CSDL ngành Nông nghiệp và Môi trường

STT	CSDL dùng chung
1	CSDL Sản phẩm OCOP

2	CSDL Nông thôn mới
3	CSDL Hạ tầng thủy lợi
4	CSDL Nước sạch
5	CSDL Phòng chống thiên tai
6	CSDL Các khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt đất lở đất, lũ quét
7	CSDL Các công trình đê kè bảo vệ bờ sông
8	CSDL Quản lý chất thải
9	CSDL Trồng trọt
10	CSDL Chăn nuôi
11	CSDL Đất đai
12	CSDL Bảo vệ thực vật
13	CSDL Quan trắc môi trường
14	CSDL Quản lý bảo vệ rừng
15	CSDL Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi
16	CSDL Chứng chỉ hành nghề thú y
17	CSDL Cơ sở thuốc thú y
18	CSDL Về thuốc bảo vệ thực vật
19	CSDL Về tổ chức, cá nhân cung cấp phân bón
20	CSDL Khoáng sản

(1) CSDL OCOP

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã sản phẩm		x					
2	Sản phẩm		x					x
3	Xếp hạng		x		x			x
4	Đơn vị		x			x		x
5	Địa chỉ		x	x			x	
6	Người đại diện		x					x
7	Số điện thoại		x					
8	Năm công nhận		x					x
9	Ghi chú		x					

(2) CSDL Nông thôn mới

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
2	Các xã sau sát nhập		x					x
3	TC1 Quy hoạch		x					x
4	TC2 Giao thông		x					x
5	TC3 Thủy lợi và PCTT		x					x
6	TC4 Điện		x					x
7	TC5 Trường học		x					x
8	TC6 Cơ sở vật chất văn hóa		x					x
9	TC7 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		x					x
10	TC8 Thông tin và Truyền thông		x					x
11	TC9 Nhà ở dân cư		x					x
12	TC10 Thu nhập		x					x
13	TC11 Nghèo đa chiều		x					x
14	TC12 Lao động		x					x
15	TC13 Tổ chức sản xuất và PTKTNT		x					x
16	TC14 Giáo dục và Đào tạo		x					x
17	TC15 Y tế		x					x
18	TC16 Văn hóa		x					x
19	TC17 Môi trường và ATTP		x					x
20	TC18 Hệ thống chính trị và TCPL		x					x
21	TC19 Quốc phòng và An ninh		x					x

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
22	Tổng số tiêu chí đã đạt		x					x
23	Đạt chuẩn NTM		x					x
24	Đạt chuẩn NTM Nâng cao		x					x
25	Năm công nhận		x					x
26	Ghi chú		x					x
27	Ngày cập nhật		x					x

(3) CSDL Hạ tầng thủy lợi

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã tài sản		x					
2	Tên tài sản		x					
3	Địa chỉ		x			x		
4	Loại công trình		x					
5	Năm đưa vào sử dụng		x					
6	Diện tích đất (m ²)		x					
7	Công suất theo thiết kế và thực tế		x					
8	Giá trị tài sản (đồng)		x					
9	Tình trạng tài sản		x					
10	Ghi chú		x					

(4) CSDL Nước sạch

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã		x					
2	Đơn vị (xã, phường)		x			x		
3	Tổng dân số (năm trước năm kế hoạch)		x					
4	Tổng dân số (năm kế hoạch)		x					
5	Số dân được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn (năm kế hoạch)		x					
6	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn (năm kế hoạch)		x					
7	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn năm kế hoạch tăng thêm so với năm trước đó		x					
8	Số dân được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn tăng thêm trong năm kế hoạch		x					
9	Số dân được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung (tự chảy, bơm dẫn); nước máy đô thị		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
10	Số dân được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn từ máy lọc nước hộ gia đình, sử dụng từ nguồn nước nhỏ lẻ (giếng đào, khoan...)		x					
11	Số công trình công trình cấp nước tập trung (tự chảy, bơm dẫn); nước máy đô thị được xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng		x					
12	Thời gian hoàn thành		x					
13	Số lượng máy lọc nước được lắp đặt mới, sử dụng từ nguồn nước nhỏ lẻ (giếng đào, khoan...)		x					
14	Thời gian hoàn thành		x					
15	Ghi chú		x					
16	Phân loại(nước sạch, nước hợp vệ sinh)		x					
17	Ngày cập nhật		x					

(5) CSDL Phòng chống thiên tai

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã thiết bị		x					
2	Tên thiết bị		x					x
3	Đơn vị tính		x			x		
4	Tăng trong kỳ kiểm kê DTQG		x					
5	Tăng trong kỳ kiểm kê UBQG		x					
6	Tăng trong kỳ kiểm kê MS		x					
7	Tăng trong kỳ kiểm kê VT		x					
8	Tăng trong kỳ kiểm kê cộng		x					
9	Giảm trong kỳ kiểm kê số lượng		x					
10	Giảm trong kỳ kiểm kê lý do		x					
11	Chất lượng cấp 1		x					x
12	Chất lượng cấp 2		x					x
13	Chất lượng cấp 3		x					x
14	Chất lượng cấp 4		x					x
15	Chất lượng cấp 5		x					x
16	Từ ngày		x					x
17	Đến ngày		x					x
18	Nhu cầu năm sau		x					

(6) CSDL Các khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt đất lở đất, lũ quét

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã		x					
2	Số vị trí có nguy cơ xảy ra sạt lở đất		x					x
3	Số hộ bị ảnh hưởng phải di dời		x					x
4	Số vị trí có nguy cơ xảy ra lũ quét		x					x
5	Số hộ bị ảnh hưởng phải di dời		x					x
6	Số vị trí có nguy cơ cao xảy ra ngập lụt		x					x
7	Số hộ bị ảnh hưởng phải di dời		x					x
8	Số vị trí có nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, suối		x					x
9	Số hộ bị ảnh hưởng phải di dời		x					x
10	Số vị trí có nguy cơ xảy ra sạt lở vùng hạ du hồ đập		x					x
11	Số hộ bị ảnh hưởng phải di dời		x					x
12	Ngày cập nhật		x					x

(7) CSDL Các công trình đê kè bảo vệ bờ sông

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã công trình		x					
2	Tên công trình		x					x
3	Bờ sông, bờ suối		x					
4	Cấp công trình		x					x
5	Địa điểm (Tỉnh, xã, thôn)		x			x		x
6	Ngày tháng năm xây dựng		x					
7	Ngày tháng năm sửa chữa, nâng cấp		x					
8	Ngày tháng năm nâng cấp		x					
9	Chiều dài (km)		x					
10	Tổng mức đầu tư		x					
11	Hình thức kê (Kê mỏ hàn, kê lát mái hộ bờ, ..kê mềm)		x					

(8) CSDL Quản lý chất thải

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã		x					
2	Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt tại các đô thị		x					x
3	Tỉ lệ lượng chất thải rắn sinh hoạt tại khu dân cư		x					x

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (<i>trường hợp chưa có thông về CCCD</i>)	Dữ liệu mở
4	Tỉ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng chưa được xử lý theo quyết định 1788/QĐ-Ttg		x					x
5	Tỉ lệ chất thải nguy hại được tiêu hủy xử lí		x					x
6	Tỷ lệ xử lí và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông		x					x
7	Tỷ lệ tái sử dụng tái chế chất thải rắn sinh hoạt		x					x
8	Ngày cập nhật		x					x

(9) CSDL Trồng trọt

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (<i>trường hợp chưa có thông về CCCD</i>)	Dữ liệu mở
1	Mã cây trồng		x					
2	Loại cây trồng		x					x
3	Tên loại cây trồng		x					x
4	Mùa vụ		x					x
5	Diện tích		x					x
6	Sản lượng		x					x
7	Ngày cập nhật		x					x

(10) CSDL Chăn nuôi

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tên cơ sở chăn nuôi		x					x
2	Mã số cơ sở chăn nuôi		x					
3	Số điện thoại		x					x
4	Email		x					x
5	Địa chỉ		x			x		x
6	Loại vật nuôi		x					x
7	Số lượng vật nuôi		x					
8	Tên giống		x					
9	Phương thức chăn nuôi		x					
10	Sản lượng		x					x

(11) CSDL Đất đai

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã số		x					x
2	Họ tên người người chủ sử dụng đất		x	x				x
3	Số định danh người sử dụng đất		x	x				x
4	Thửa đất số		x					x
5	Diện tích		x					x
6	Loại đất		x					x
7	Thời hạn sử dụng		x					x
8	Hình thức sử dụng		x					x
9	Nguồn gốc sử dụng đất		x					x
10	File đính kèm		x					x

(12) CSDL Bảo vệ thực vật

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã cây trồng		x					
2	Cây trồng		x					x
3	Tên sinh vật gây hại		x					x
4	Giai đoạn sinh trưởng		x					x
5	Mật độ/tỷ lệ		x					x
6	Diện tích nhiễm		x					x
7	Mất trắng		x					x
8	So kỳ trước		x					
9	So CKNT		x					
10	DT phòng trừ		x					x
11	Phân bố		x					x
12	Ngày cập nhật		x					x

(13) CSDL Quan trắc môi trường

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã		x					
2	Vị trí điểm quan trắc		x					x
3	Kí hiệu mẫu		x					x
4	Đợt		x					x
5	TC Nhiệt độ		x					x
6	TC Độ ẩm		x					x
7	TC Tốc độ gió		x					x
8	TC Tiếng ồn		x					x
9	TC Độ rung		x					x
10	TC Bụi lơ lửng		x					x
11	TC No2		x					x
12	TC CO		x					x
13	TC So2		x					x
14	Ngày cập nhật		x					x

(14) CSDL Quản lý bảo vệ rừng

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã		x					
2	Diện tích rừng hiện có		x					x
3	Rừng tự nhiên		x					x
4	Rừng trồng		x					x
5	Diện tích rừng đặc dụng		x					x
6	Diện tích rừng phòng hộ		x					x
7	Diện tích rừng sản xuất		x					x
8	Tỷ lệ che phủ rừng		x					x
9	Ngày cập nhật		x					x

(15) CSDL cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã cơ sở chăn nuôi		x					
2	Tên cơ sở chăn nuôi		x					x
3	Số điện thoại		x					x
4	Email		x					x
5	Địa chỉ cơ sở sản xuất		x			x		x
6	Quy mô sản xuất		x					x
7	Nguồn gốc giống		x					x
8	Tên giống		x					x
9	Cấp giống		x					
10	Số lượng từng cấp giống		x					
11	Chỉ tiêu nền kinh tế - kỹ thuật		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
12	Tiêu chuẩn công bố áp dụng của giống		x					

(16) CSDL Chứng chỉ hành nghề thú y

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã chứng chỉ		x					
2	Họ và tên người được cấp		x	x				
3	Ngày tháng năm sinh		x	x				
4	Địa chỉ thường trú		x	x	x			
5	Bằng cấp chuyên môn		x	x				
6	Phạm vi hành nghề		x					
7	Ngày tháng năm cấp		x					
8	Cơ quan cấp		x					

(17) CSDL Cơ sở thuốc thú y

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã cơ sở							
2	Tên cơ sở		x		x	x		x
3	Số điện thoại		x					x
4	Địa chỉ cơ sở buôn bán		x					x
5	Số giấy chứng nhận		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
	đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y							
6	Ngày tháng năm cấp		x					
7	Cơ quan cấp		x					

(18) CSDL về thuốc bảo vệ thực vật

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã cơ sở		x					
2	Tên cơ sở		x			x		x
3	Số điện thoại		x					x
4	Địa chỉ cơ sở buôn bán		x			x		x
5	Số giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV		x					
6	Ngày cấp		x					
7	Cơ quan cấp		x					

(19) CSDL Về tổ chức, cá nhân cung cấp phân bón

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã cơ sở		x					
2	Tên cơ sở		x					x
3	Số điện thoại		x					x
4	Tên người đại diện		x	x				x
5	Địa chỉ		x	x				x
6	Số điện thoại		x	x				x

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
7	Giấy đăng ký kinh doanh		x					
8	Giấy chứng nhận đủ kiện buôn bán phân bón		x					
9	Ngày cấp		x					
10	Cơ quan cấp		x					
11	Khối lượng buôn bán/năm		x					

(20) CSDL Khoáng sản

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã mỏ		x					
2	Tên mỏ		x					
3	Loại khoáng sản		x					x
4	Địa chỉ		x					x
5	Trữ lượng		x					x
6	Đơn vị trữ lượng		x					x
7	Tình trạng		x					x
8	Số giấy phép		x					
9	Ngày cấp		x					
10	Ngày hết hạn		x					
11	Đơn vị cấp		x					
12	Chủ đầu tư		x					
13	Ghi chú		x					

8. Nhóm CSDL ngành Công an

STT	CSDL dùng chung
1	CSDL về an toàn giao thông
2	CSDL về an toàn thông tin
3	CSDL về cơ sở lưu trú

9. Nhóm CSDL ngành Dân tộc, Tôn giáo

STT	CSDL dùng chung
1	CSDL Dân tộc
2	CSDL Tổ chức chức sắc tôn giáo
3	CSDL Cơ sở thờ tự tôn giáo

(1) CSDL Dân tộc

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã dân tộc		x					
2	Tên dân tộc		x			x		x
3	Ngôn ngữ chính		x					x
4	Địa bàn tập trung đông		x			x		x
5	Dân số (ước tính)		x					x
6	Số hộ gia đình (ước tính)		x					
7	Ngành nghề kinh tế chính		x					x
8	Đặc trưng văn hóa tiêu biểu		x					x
9	Tín ngưỡng, tôn giáo phổ biến		x					x
10	Trình độ học vấn phổ biến		x					x
11	Tình trạng		x					

(2) CSDL Tổ chức chức sắc tôn giáo

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tên tổ chức tôn giáo		x		x			
2	Tôn giáo trực thuộc		x		x			
3	Người đứng đầu		x	x				
4	Chức danh		x			x		
5	Địa chỉ liên hệ					x		

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
6	Khu vực hoạt động chính		x			x		
7	Phạm vi hoạt động		x					
8	Số lượng tín đồ quản lý		x					
9	Năm thành lập		x					
10	Tình trạng pháp lý		x					
11	Hoạt động chính		x					
12	Tình trạng hoạt động		x					

(3) CSDL Cơ sở thờ tự tôn giáo

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tên cơ sở thờ tự		x					x
2	Tôn giáo trực thuộc		x			x		x
3	Địa chỉ đầy đủ		x			x		x
4	Tỉnh/thành phố		x			x		x
5	Xã/phường		x			x		x
6	Năm xây dựng / thành lập		x					x
7	Diện tích (m ²)		x					x
8	Số lượng tín đồ sinh hoạt thường xuyên		x					
9	Đơn vị/tổ chức quản lý		x		x			x
10	Tình trạng		x					x

10. Nhóm CSDL ngành Xây dựng

STT	CSDL dùng chung
1	CSDL Cầu, hầm đường bộ
2	CSDL Quy hoạch đô thị

3	CSDL Bến xe khách
4	CSDL Nhà ở
5	CSDL Định mức xây dựng; Vật liệu xây dựng
6	CSDL Cây xanh đô thị
7	CSDL Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng
8	CSDL Hạ tầng kỹ thuật đô thị

(1) CSDL Cầu, hầm đường bộ

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã định danh		x					
2	Mã số cầu/hầm		x					
3	Tên cầu/hầm		x					x
4	Loại công trình (Cầu/Hầm)		x					x
5	Tuyến đường (QL, ĐT, ĐH...)		x					x
6	Năm xây dựng		x					x
7	Chiều dài		x					x
8	Bề rộng		x					x
9	Số làn xe		x					x
10	Hệ thống cầu Quốc lộ		x			x		
11	Hệ thống cầu địa phương		x			x		
12	Bản đồ cầu		x					x

(2) CSDL Quy hoạch đô thị

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Quy hoạch cấp quốc gia		x					x
2	Quy hoạch vùng		x					x
3	Quy hoạch tỉnh		x					x
4	Quy hoạch Đô thị - Nông thôn		x					x
5	QH có tính chất KT, Chuyên Ngành		x					x

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
6	Số quyết định		x					x
7	Địa chỉ		x			x		x
8	Hồ sơ bản vẽ		x					x
9	Thuyết minh quy hoạch		x					x
10	Mô tả quy hoạch		x					x

(3) CSDL Bến xe khách

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Kết nối dữ liệu với ĐVVT		x					x
2	Tên đơn vị kinh doanh vận tải		x		x			x
3	Địa chỉ		x			x		x
4	Số giấy phép kinh doanh vận tải		x					x
5	Điều vận xe cơ bản		x					
6	Ký lệnh vận chuyển điện tử		x					
7	Quản lý thu phí bến xe cơ bản		x					
8	Thiết lập kế hoạch vận hành		x					

(4) CSDL Nhà ở

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Dự án khởi công mới		x		x			x

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
2	Dự án NOXH khởi công mới		x		x			x
3	BĐS đủ điều kiện giao dịch		x					x
4	BĐS đã giao dịch		x					
5	Dư nợ tín dụng		x					
6	Tên dự án		x					x
7	Chủ đầu tư		x	x	x			x
8	Địa điểm		x					x
9	Số văn bản chấp thuận đủ điều kiện mở bán		x					x

(5) CSDL Định mức xây dựng; Vật liệu xây dựng

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Định mức		x					x
2	Đơn giá		x					x
3	Giá vật liệu		x					x
4	Đơn giá nhân công		x					x
5	Giá ca máy và thiết bị thi công		x					x
6	Chỉ số giá		x					
7	Suất vốn đầu tư		x					

(6) CSDL Cây xanh đô thị

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa)	Dữ liệu mở
-----	------------------	--------------	-------------	-----------------------------	---------------------------	-----------------------	---	------------

							<i>có thông về CCCD)</i>	
1	Mã định danh cây		x					
2	Mã số cây (nếu có)		x					x
3	Loài cây		x					x
4	Tên đường trồng cây		x					x
5	Phường/Xã		x					x
6	Năm trồng		x					x
7	Chiều cao hiện tại		x					x
8	Đơn vị quản lý		x		x			
9	Tình trạng cây		x					x

(7) CSDL Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tên tổ chức		x		x			x
2	Mã chứng chỉ năng lực HỖXD		x					x
3	Địa chỉ trụ sở chính		x			x		x
4	Địa chỉ văn phòng đại diện, văn phòng chi nhánh		x			x		x
5	Người đại diện theo pháp luật		x	x				x
6	Mã số thuế/ Quyết định thành lập		x					x
7	Số chứng chỉ		x					x
8	Lĩnh vực		x					x
9	Lĩnh vực mở rộng		x					x
10	Hạng		x					x
11	Ngày hết hạn		x					x

11. Nhóm CSDL ngành Thanh Tra

STT	CSDL dùng chung
1	CSDL Khiếu nại, tố cáo
2	CSDL Tiếp công dân
3	CSDL kê khai tài sản, thu nhập

(1) CSDL Khiếu nại, tố cáo

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã vụ việc		x					
2	Họ và tên		x	x				
3	Số CCCD		x	x				
4	Ngày cấp		x					
5	Nơi cấp		x					
6	Giới tính		x	x		x		
7	Địa chỉ		x			x		
8	Dân tộc		x	x		x		
9	Quốc tịch		x	x		x		
10	Loại đơn		x			x		
11	Loại khiếu nại/tố cáo		x			x		
12	Chi tiết loại đơn		x					
13	Nội dung đơn		x					
14	Ngày nhập đơn		x					
15	Kết quả xử lý		x					
16	Kết quả giải quyết		x					
17	Luồng đơn thư		x					
18	Bước xử lý		x			x		
19	Thời gian xử lý		x					
20	Người thực hiện		x					
21	Thao tác		x					
22	Ý kiến xử lý		x					

(2) CSDL Tiếp công dân

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Số thứ tự		x					
2	Ngày tiếp		x					
3	Số người		x					
4	Họ và tên		x	x				

5	Căn cước công dân		x	x				
6	Giới tính		x	x		x		
7	Ngày cấp		x					
8	Nơi cấp		x					
9	Địa chỉ		x					
10	Quốc tịch		x	x		x		
11	Dân tộc		x	x		x		
12	Nội dung		x					
13	Kết quả tiếp		x					
14	Hướng xử lý		x					
15	Lần tiếp		x					
16	Người tiếp		x					
17	Cơ quan giải quyết		x			x		

(3) Kế khai tài sản, thu nhập

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Họ và tên người kê khai tài sản		x	x				
2	Ngày tháng năm sinh (người kê khai)		x					
3	Chức vụ		x			x		
4	Đơn vị công tác		x			x		
5	Nơi thường trú		x					
6	Số CCCD (người kê khai)		x	x			x	
7	Ngày cấp (CCCD người kê khai)		x					
8	Nơi cấp (CCCD người kê khai)		x					
9	Họ và tên vợ hoặc chồng		x	x				
10	Ngày tháng năm sinh (vợ/chồng)		x					
11	Nghề nghiệp (vợ/chồng)		x			x		
12	Nơi làm việc (vợ/chồng)		x			x		
13	Số CCCD (vợ/chồng)		x	x				
14	Các con		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
15	Đất ở		x					
16	Nhà ở		x					
17	Tài sản khác		x					
18	Tài sản ở nước ngoài		x					
19	Tài khoản ở nước ngoài		x					
20	Tổng thu nhập		x					
21	Giải trình biến động tài sản		x					

12. Nhóm CSDL ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	CSDL dùng chung
1	CSDL Hướng dẫn viên du lịch
2	CSDL Di tích lịch sử
3	CSDL Danh lam thắng cảnh
4	CSDL Thành tích thể thao
5	CSDL Hạ tầng thể thao
6	CSDL Bảo tàng
7	CSDL Bản tin
8	CSDL WEB điện tử
9	CSDL Xuất bản, in, phát hành
10	CSDL Cơ quan báo chí
11	CSDL Số lượng khách du lịch
12	CSDL Gia đình văn hoá
13	CSDL Thiết chế văn hoá cơ sở
14	CSDL Về Phòng, chống bạo lực gia đình
15	CSDL Về Gia đình
16	CSDL Về Nếp sống văn minh

(1) CSDL Hướng dẫn viên du lịch

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã HDV							
2	Tên HDV		x	x		x	x	

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
3	Trạng thái hoạt động		x					
4	Địa điểm hoạt động		x					
5	Cơ sở đào tạo		x					
6	Chứng chỉ ngoại ngữ		x			x		
7	Chứng chỉ nghiệp vụ		x			x		
8	Bảng giá		x					

(2) CSDL Di tích lịch sử

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã di tích							
2	Tên di tích		x			x		
3	Địa chỉ		x					
4	Cấp xếp hạng		x					
5	Cơ quan quản lý		x		x			
6	Hiện trạng		x			x		

(3) CSDL Danh lam thắng cảnh

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã danh lam thắng cảnh							
2	Tên danh lam thắng cảnh		x			x	x	
3	Loại hình		x					
4	Cấp xếp hạng		x					
5	Địa chỉ		x					

6	Cơ quan quản lý		x		x			
7	Hiện trạng		x			x		

(4) CSDL Thành tích thể thao

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
1	STT							
2	Đoàn tham gia thi đấu		x					
3	Tên VĐV		x	x			x	
4	Giải đấu		x					
5	Thành tích		x			x		
6	Tên HLV		x	x				

(5) CSDL Hạ tầng thể thao

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
1	STT							
2	Tên công trình thể thao		x		x	x		
3	Địa điểm		x					
4	Diện tích		x					
5	Nguồn lực		x					

(6) CSDL Bảo tàng

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã bảo tàng							
2	Tên bảo tàng							x
3	Loại hình bảo tàng							x
4	Quy mô							x
5	Số lượng hiện vật							x

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
6	Địa chỉ							x
7	Hồ sơ khoa học hiện vật		x					
8	Mã số hiện vật (số đăng ký, số kiểm kê)		x			x		
9	Tên hiện vật (tên gọi chính thức, tên thường gọi)		x			x		
10	Loại hình hiện vật (công cụ, vũ khí, trang sức, gốm sứ, tiền tệ...)		x					
11	Ảnh chụp hiện vật		x					
12	Bản vẽ hiện vật		x					
13	Niên đại (thời kỳ, thế kỷ, năm cụ thể)		x					
14	Văn hóa/khu vực (Sơn Vi, Hoà Bình, Đá Mới, Đông Sơn, Lý, Trần, Lê, Nguyễn...)		x					
15	Chất liệu (đồng, đá, gỗ, gốm, vải, giấy...)		x					
16	Kích thước (cao, dài, rộng, dày, đường kính)		x					
17	Trọng lượng		x					
18	Hình dáng/hoa văn (mô tả chi tiết đặc trưng)		x					
19	Kỹ thuật chế tác		x					
20	Nguồn gốc/địa điểm phát hiện		x					
21	Người phát hiện/hiển tặng		x					
22	Hoàn cảnh sưu tầm (khai quật,		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
	suu tập, hiến tặng, mua...)							
23	Ý nghĩa lịch sử, văn hóa, khoa học		x					
24	So sánh/đối chiếu với hiện vật khác		x					
25	Mức độ nguyên vẹn (nguyên vẹn, thiếu mảnh, phục chế)		x					
26	Tình trạng hiện nay (nứt, vỡ, gỉ, phai màu)		x					
27	Phương pháp bảo quản (chất liệu bảo quản, lần tu bổ gần nhất)		x					
28	Ngày nhập kho		x					
29	Vị trí lưu giữ (kho số, ngăn số, hộp số)		x					
30	Trung bày hiện tại (phòng, chuyên đề, thời gian)		x			x		
31	Người lập hồ sơ		x					
32	Ngày lập hồ sơ		x					

(7) CSDL Bản tin

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã bản tin							
2	Tên cơ quan đơn vị xuất bản		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
3	Tên bản tin		x			x		
4	Số giấy phép		x					
5	Kỳ hạn xuất bản		x					
6	Khuôn khổ		x					
7	Số trang		x					
8	Số lượng		x					
9	Ngày cấp		x					
10	Thời hạn giấy phép		x					
11	SĐT liên hệ		x					
12	Họ tên người chịu trách nhiệm XBBT		x			x		

(8) CSDL Web điện tử

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
1	STT							
2	Tên cơ quan, đơn vị		x					
3	Tên miền		x					
4	Số giấy phép		x					
5	Thời hạn		x					
6	Người chịu trách nhiệm		x					
7	Ngày cấp		x					
8	Ngày hết hạn		x					
9	Gia hạn		x					

(9) CSDL Xuất bản, in, phát hành

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
1	STT							
2	Tên cơ quan, đơn vị		x		x			
3	Tên tài liệu xuất bản		x					
4	Số trang		x					
5	Phụ bản		x					
6	Khuôn khổ		x					
7	Số lượng in		x					
8	Ngôn ngữ xuất bản		x					
9	Tên cơ sở xuất bản		x		x			
10	Địa chỉ cơ sở xuất bản		x					
11	Tên cơ quan công ty, cơ sở in		x		x			
12	Địa chỉ		x					
13	Giấy chứng nhận ĐKKD, ĐKDN		x					
14	Ngày cấp ĐKKD, ĐKDN		x					
15	Giấy phép hoạt động		x					
16	Doanh thu		x					

(10) CSDL Cơ quan báo chí

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
1	STT							
2	Tên cơ quan báo chí		x		x			
3	Chức danh		x					
4	Email		x					
5	Thẻ nhà báo		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
6	Tên nhà báo		x	x			x	

(11) CSDL Số lượng khách du lịch

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tổng số lượng khách du lịch		x			X		
2	Số lượng khách du lịch quốc tế		x					
3	Số lượng khách du lịch nội địa		x					
4	Loại hình lưu trú		x					

(12) CSDL Gia đình văn hoá

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tổng số hộ gia đình		x			X		
2	Số hộ đạt GĐVH		x					
3	Tỷ lệ hộ đạt GĐVH		x					
4	Số hộ đạt tiêu chí gia đình hạnh phúc (so với hộ GĐVH)		x					
5	Tỷ lệ hộ GD hạnh phúc (so với hộ GĐVH)		x					

(13) CSDL Thiết chế văn hoá cơ sở

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
1	STT							
2	Nhà văn hóa cấp xã		x		x	x		
3	Nhà thể thao đa năng cấp xã		x		x			
4	Sân vận động cấp xã		x		x			
5	Thư viện cấp xã		x		x			
6	Số thiết chế có quy chế hoạt động, ban chủ nhiệm, lịch hoạt động		x		x			
7	Nhà văn hóa thôn, tổ dân phố		x		x			
8	Nhà văn hóa thôn/tổ dân phố hoạt động hiệu quả		x		x			
9	Số khu thể thao thôn		x		x			
10	Số tủ sách cộng đồng		x		x			
11	Số đội văn nghệ quần chúng		x		x			
12	Năm xây dựng		x		x			
13	Tổng kinh phí xây dựng		x					
14	Nguồn kinh phí		x					
15	Diện tích		x					
16	Trang thiết bị		x					
17	Hiện trạng		x					

(14) CSDL về Phòng, chống bạo lực gia đình

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Số vụ bạo lực gia đình							
2	Số vụ bạo lực gia đình về tinh thần		x					
3	Số vụ bạo lực về thân thể		x					
4	Số vụ bạo lực về tình dục		x					
5	Số vụ bạo lực về kinh tế		x					
6	Số nạn nhân bạo lực gia đình		x					
7	Số nạn nhân là nam giới		x					
8	Số nạn nhân là nữ giới		x					
9	Nạn nhân dưới 16 tuổi		x					
10	Nạn nhân từ 16 đến 59 tuổi		x					
11	Nạn nhân từ trên 60 tuổi		x					
12	Nạn nhân được tư vấn (tâm lý, tinh thần, pháp luật)		x					
13	Nạn nhân được chăm sóc, hỗ trợ sau khi bị bạo lực		x					
14	Nạn nhân được hỗ trợ (cai nghiện rượu, điều trị rối loạn tâm thần do chất gây nghiện)		x					
15	Nạn nhân được đào tạo nghề, giới thiệu việc làm		x					
16	Người gây ra bạo lực gia đình		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
17	Người gây bạo lực gia đình là nam giới		x					
18	Người gây bạo lực gia đình là nữ giới		x					
19	Người gây bạo lực gia đình dưới 16 tuổi		x					
20	Người gây bạo lực gia đình từ 16 đến 59 tuổi		x					
21	Người gây bạo lực gia đình từ trên 60 tuổi		x					
22	Người gây BLGD được góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư		x					
23	Người gây BLGD bị áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc		x					
24	Người gây BLGD bị áp dụng các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn		x					
25	Người gây BLGD bị xử phạt vi phạm hành chính		x					
26	Người gây BLGD bị xử lý hình sự (phạt tù)		x					
27	Mô hình phòng, chống bạo lực gia đình (theo chuẩn Bộ VHTTDL)		x			x		

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
28	QĐ thành lập BCD triển khai mô hình		x					
29	Mô hình hoạt động độc lập		x					
30	Số câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững		x					
31	Số nhóm phòng, chống bạo lực gia đình		x					
32	Số địa chỉ tin cậy ở cộng đồng		x					
33	Số đường dây nóng		x					

(16) CSDL về Gia đình

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tổng số hộ gia đình		x			x		
2	Số hộ gia đình chỉ có cha hoặc mẹ sống chung với con		x					
3	Số hộ gia đình 1 thế hệ		x					
4	Số hộ gia đình 2 thế hệ (vợ, chồng, con)		x					
5	Số hộ gia đình 3 thế hệ		x					
6	Số hộ gia đình khác		x					

(17) CSDL về nếp sống văn minh

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với	Xác thực với	Đồng bộ CSDL	Cung cấp dữ liệu cho CSDL	Dữ liệu mở
-----	------------------	--------------	-------------	--------------	--------------	--------------	---------------------------	------------

				CSDL người dân	CSDL Tổ chức	danh mục	người dân (trường hợp chưa có thông tin về CCCD)	
1	Tổng số đám cưới		x			x		
2	Số cặp đăng ký kết hôn		x					
3	Số đám cưới vi phạm quy định về NSVM		x					
4	Số vụ tảo hôn		x					
5	Số vụ hôn nhân cận huyết thống		x					
6	Vi phạm quy định khác		x					
7	Tổng số đám tang		x			x		
8	Số đám tang thực hiện tốt quy định NSVM		x					
9	Số đám vi phạm quy định về nếp sống văn minh		x					
10	Đề quá 48 h		x					
11	Không cho vào áo quan		x					
12	Vi phạm các quy định khác		x					

13. Nhóm CSDL ngành Ngoại vụ

STT	CSDL dùng chung
1	CSDL Đoàn vào
2	CSDL Đoàn ra
3	CSDL Quan hệ hợp tác quốc tế
4	CSDL Hội nghị, hội thảo quốc tế
5	CSDL Danh mục các dự án viện trợ PCPNN
6	CSDL Danh hiệu khen thưởng có yếu tố nước ngoài

(1) CSDL Đoàn vào

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Danh nghĩa đoàn và tính chất hoạt động		x					
2	Tên đoàn		x					
3	Đến từ nước		x					
4	Cơ quan, tổ chức nước cử đoàn		x					
5	Cấp trưởng đoàn		x					
6	Cơ quan, tổ chức chủ trì đón đoàn		x		x			
7	Cơ quan, tổ chức phối hợp đón đoàn		x		x			
8	Nội dung hoạt động chính		x					
9	Số người		x					
10	Số người nước ngoài		x					
11	Nguồn kinh phí		x					
12	Thời gian		x					
13	Quốc tịch		x					
14	Số văn bản cho phép		x					
15	Báo cáo kết quả		x					
16	Thông tin xuất nhập cảnh		x					
17	Trong/Ngoài Kế hoạch		x					
18	Ghi chú		x					

(2) CSDL Đoàn ra

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Danh nghĩa đoàn và tính chất hoạt động		x					
2	Tên cơ quan, đơn vị cử đoàn ra		x		x			

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
3	Tên đoàn		x		x			
4	Trưởng đoàn		x	x	x	x	x	
5	Nước đi		x					
6	Đối tác làm việc		x					
7	Nội dung làm việc		x					
8	Số thành viên đoàn		x					
9	Thời gian thực hiện		x					
10	Kinh phí		x					
11	Báo cáo		x					
12	Đoàn trong kế hoạch		x					
13	Văn bản cho phép đoàn ra		x					
14	Đoàn diện Tỉnh uỷ quản lý		x					
15	Số thành viên thuộc diện Tỉnh uỷ quản lý		x					
16	Đảng viên			x				

(3) CSDL Quan hệ hợp tác quốc tế

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Cấp ký kết		x					
2	Đối tác nước ngoài		x		x			
3	Nước đối tác		x					
4	Thời điểm ký kết văn bản hợp tác thiết lập quan hệ		x	x				
5	Dự kiến thời điểm hết hiệu		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
	lực của văn bản hợp tác							
6	Dự kiến thời điểm hết hiệu lực của văn bản hợp tác		x					
7	Kế hoạch triển khai văn bản hợp tác		x					
8	Cơ quan đề xuất ký		x		x			
9	Danh nghĩa ký		x		x			
10	Loại văn bản		x					
11	Tên văn bản		x					
12	Nước ký kết		x					
13	Đối tác nước ngoài		x					
14	Ngày ký		x					
15	Tình trạng hiệu lực		x					
16	Ngày hiệu lực		x					
17	Thời hạn hiệu lực		x					
18	Ngày hết hiệu lực		x					

(4) CSDL Hội nghị, hội thảo quốc tế

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tên/ Chủ đề hội nghị, hội thảo		x					
2	Đơn vị tổ chức		x		x			
3	Đơn vị phối hợp		x		x			
4	Cấp cho phép		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
5	Số lượng đại biểu		x					
6	Nội dung hội nghị, hội thảo		x					
7	Thời gian thực hiện		x					
8	Địa điểm tổ chức		x					
9	Nguồn, tổng kinh phí		x			x		
10	Tình trạng báo cáo		x					

(5) CSDL Danh mục các dự án viện trợ PCPNN

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tên dự án/ khoản viện trợ phi dự án		x					
2	Tổ chức/cá nhân tài trợ (không dịch sang tiếng Việt), quốc tịch, số giấy phép		x					
3	Cơ quan chủ quản có thẩm quyền phê duyệt		x		x			
4	Cơ quan tiếp nhận và thực hiện dự án		x		x			
5	Địa bàn thực hiện dự án		x					
6	Thời gian dự án		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
7	Ngân sách toàn dự án đã cam kết		x					
8	Ngân sách dự án năm		x					
9	Giá trị giải ngân thực tế		x					

(6) CSDL Danh hiệu khen thưởng có yếu tố nước ngoài

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tên danh hiệu		x					
2	Tên tập thể, cá nhân		x	x	x			
3	Thành tích		x					
4	Nước trao danh hiệu/ Cơ quan nhận danh hiệu		x					
5	Số và ngày quyết định		x					

14. Nhóm CSDL ngành Công thương

STT	CSDL dùng chung
1	CSDL Sản xuất Công nghiệp
2	CSDL Cụm Công nghiệp
3	CSDL Xuất, Nhập khẩu
4	CSDL Chợ
5	CSDL Siêu thị, Trung tâm thương mại
6	CSDL Hạ tầng Năng lượng
7	CSDL Điện
8	CSDL Khoáng sản
9	CSDL Danh sách cửa hàng xăng dầu

(1) CSDL Sản xuất Công nghiệp

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL	Xác thực với	Đồng bộ CSDL	Cung cấp dữ liệu cho CSDL	Dữ liệu mở
-----	------------------	--------------	-------------	-------------------	--------------	--------------	---------------------------	------------

				người dân	CSDL Tổ chức	danh mục	người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	
1	Mã sản phẩm		x			x		
2	Loại sản phẩm		x					
3	Đơn vị tính		x					
4	Sản lượng		x					
5	Tiêu thụ		x					
6	Lũy kế		x					
7	Tên Doanh nghiệp sản xuất		x		x			
8	Địa chỉ		x					

(2) CSDL Cụm Công nghiệp

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tên khu, cụm công nghiệp		x		x			x
2	Địa chỉ, vị trí		x			x		x
3	Tọa độ		x					
4	Quy mô		x					x
5	Diện tích		x					
6	Đơn vị quản lý		x		x			x
7	Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong cụm		x					x
8	Doanh thu		x					x

(3) CSDL Xuất, Nhập khẩu

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tên hàng hóa		x			x		
2	Đơn vị tính		x					
3	Khối lượng		x					
4	Giá trị hàng hóa		x					

5	Tên cửa khẩu		x					
6	Loại hình (xuất khẩu - nhập khẩu)		x					
7	Ngày (xuất/nhập)		x					
8	Tên Doanh nghiệp (xuất/nhập)		x		x			

(4) CSDL Chợ

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tên chợ		x					x
2	Đơn vị quản lý		x		x			x
3	Địa chỉ, vị trí		x			x		x
4	Tọa độ		x					
5	Quy mô		x					
6	Diện tích		x					x
7	Hạng chợ		x					x
8	Số hộ kinh doanh (cố định)		x		x			x
9	Số hộ kinh doanh (không cố định)		x		x			x

(5) CSDL Siêu thị, trung tâm thương mại

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tên		x		x			x
2	Địa chỉ, vị trí		x			x		x
3	Tọa độ		x					
4	Quy mô		x					
5	Hạng		x					
6	Theo cấp hành chính		x					x
7	Loại hình kinh tế		x					

8	Loại hình siêu thị		x					
---	--------------------	--	---	--	--	--	--	--

(6) CSDL Hạ tầng Năng lượng

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Sơ đồ lưới điện		x					
2	Vị trí trạm biến áp		x			x		
3	Công suất trạm biến áp		x					
4	Tên nhà máy thủy điện		x		x			
5	Vị trí, tọa độ nhà máy thủy điện		x			x		
6	Quyết định thành lập/ giấy phép kinh doanh		x					
7	Năm đưa vào sử dụng		x					
8	Công suất nhà máy thủy điện		x					
9	Tên chủ đầu tư/đơn vị quản lý vận hành		x		x			
10	Tình trạng (đang xây dựng, đang vận hành, tạm dừng,...)		x					

(7) CSDL Điện

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tên địa bàn		x			x		
2	Số trạm biến áp		x					

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
3	Công suất trạm biến áp		x					
4	Đường dây KV		x					
5	Số công tơ điện		x					

(8) CSDL Khoáng sản

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tên khoáng sản, loại khoáng sản		x			x		
2	Đơn vị tính		x					
3	Ngày, tháng		x					
4	Khối lượng		x					

(9) CSDL Danh sách cửa hàng xăng dầu

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tên doanh nghiệp		x		x			x
2	Mã số thuế		x					x
3	Địa chỉ		x			x		x
4	Số điện thoại		x					x

15. Nhóm CSDL Khối Đảng

STT	CSDL dùng chung
1	CSDL Đảng viên
2	CSDL cán bộ chuyên trách làm công tác kiểm tra Đảng
3	CSDL về tổ chức đảng

(1) CSDL Đảng viên

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Họ và tên			x				
2	Giới tính							
3	Số định danh cá nhân			x				
4	Ngày, tháng, năm sinh							
5	Nơi đăng ký khai sinh							
6	Quê quán					x		
7	Dân tộc					x		
8	Tôn giáo					x		
9	Quốc tịch					x		
10	Số thuê bao di động							
11	Địa chỉ thư điện tử							
12	Nơi thường trú							
13	Nơi tạm trú							
14	Nơi ở hiện tại							
15	Chức vụ					x		
16	Nghề nghiệp							
17	Trình độ							
18	Số lý lịch đảng		x					
19	Số thẻ đảng		x					
20	Chức vụ đảng		x					
21	Tổ chức đảng sinh hoạt		x					
22	Tổ chức đảng nơi cư trú		x					
23	Trạng thái Đảng viên		x					
24	Ngày, tháng, năm vào đảng		x					
25	Ngày, tháng, năm vào đảng chính thức		x					
26	Mắt tích							
27	Khai tử							
28	Tình trạng công tác							
29	Cơ quan hành chính nhà nước				x			

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
30	Đơn vị sự nghiệp				x	x		
31	Tổ chức đoàn thể				x	x		
32	Doanh nghiệp				x	x		
33	Hợp tác xã				x	x		

(3) CSDL Tổ chức Đảng

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Tên Cấp trên trực thuộc		x		x	x		
2	Mã tổ chức đảng		x		x	x		
3	Tên Tổ chức đảng		x		x	x		
4	Từ ngày		x					
5	Địa chỉ		x					
6	Email		x					
7	Số ký hiệu Quyết định thành lập		x					
8	Tên Quyết định thành lập		x					
9	Ngày Quyết định thành lập		x					
10	Số điện thoại		x					
11	Loại cơ sở đảng		x			x		
12	Nhóm đảng bộ		x			x		
13	Loại hình		x			x		
14	Kết thúc hoạt động		x					

16. Nhóm CSDL MTTQ và khối đoàn thể

STT	CSDL dùng chung
1	CSDL tổ chức bộ máy MTTQ các cấp trên địa bàn tỉnh
2	CSDL hội viên phụ nữ

3 | CSDL đoàn thanh niên

(1) CSDL Tổ chức bộ máy MTTQ các cấp trên địa bàn tỉnh

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã định danh		x					
2	Tên cơ quan/tổ chức		x		x			
3	Cấp (tỉnh, xã, phường...)		x			x		
4	Tỉnh/TP		x			x		
5	Xã/Phường		x			x		
6	Địa chỉ trụ sở		x			x		
7	Thông tin người đứng đầu		x	x				
8	Điện thoại liên hệ		x					
9	Email cơ quan		x					
10	Số cán bộ		x					
11	Năm thành lập		x					
12	Cơ quan quản lý cấp trên		x		x			
13	Tình trạng hoạt động		x					

(2) CSDL Hội viên phụ nữ

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã hội viên		x					
2	Mã định danh cá nhân			x			x	
3	Họ và tên			x				
4	Ngày sinh			x				
5	Dân tộc			x				
6	Địa chỉ cư trú			x				
7	Tỉnh/TP					x		
8	Xã/Phường					x		
9	Điện thoại liên hệ							
10	Nghề nghiệp					x		

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
11	Năm tham gia Hội		x					
12	Cấp tham gia		x					
13	Lĩnh vực tham gia		x					
14	Tình trạng hội viên		x					

(3) CSDL Đoàn thanh niên

STT	Trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Dữ liệu gốc	Xác thực với CSDL người dân	Xác thực với CSDL Tổ chức	Đồng bộ CSDL danh mục	Cung cấp dữ liệu cho CSDL người dân (trường hợp chưa có thông về CCCD)	Dữ liệu mở
1	Mã đoàn viên		x					
2	Số định danh cá nhân			x			x	
3	Họ và tên			x				
4	Ngày sinh			x				
5	Giới tính			x				
6	Địa chỉ cư trú			x				
7	Tỉnh/TP					x		
8	Xã/Phường					x		
9	Số điện thoại							
10	Email cá nhân (nếu có)							
11	Học tập/Nghề nghiệp					x		
12	Năm kết nạp Đoàn		x					
13	Chi đoàn trực thuộc		x		x			
14	Hoạt động tham gia		x					
15	Tình trạng đoàn viên		x					